BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

PHẠM THỊ THU THUỶ

CON NGƯỜI NAM BỘ TRONG SÁNG TÁC VĂN XUÔI CỦA HỒ BIỂU CHÁNH, BÌNH NGUYÊN LỘC, SƠN NAM VÀ NGUYỄN NGỌC TƯ

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 62.22.01.21

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI – 2017

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Bình

Phản biện 1: **PGS.TS. Tôn Phương Lan**
Viện Văn học

Phản biện 2: **PGS.TS. Trần Văn Toàn**
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Phản biện 3: **PGS.TS. Trần Thị Trâm**
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường
Họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Vào hồi ….. giờ ….. ngày ….. tháng ….. năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại:
- Thư viện Quốc gia Hà Nội,
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Phạm Thị Thu Thủy (2012), "Dấu ấn Nam Bộ trong truyện ngắn Mùa "len" trâu của nhà văn Sơn Nam", *Tạp chí Nhà văn*, (3), tr. 112-116.

2. Phạm Thị Thu Thủy (2012), "Nhân vật trong tập truyện ngắn "Hương rừng Cà Mau" của Sơn Nam từ góc nhìn văn hóa", *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, (18), tr. 51-60.

3. Phạm Thị Thu Thủy (2012), "Thân phận con người trong tập truyện ngắn Thầm lặng", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (336), tr.103-106.

4. Phạm Thị Thu Thủy (2014), "Cảm thức lưu lạc trong sáng tác của bốn nhà văn Nam Bộ", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (362), tr. 85-90.

5. Phạm Thị Thu Thủy (2014), "Con người Nam Bộ "tiền hiện đại" trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh", *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, (34), tr. 105-117.

6. Phạm Thị Thu Thủy (2015), "Con người Nam Bộ trọng nghĩa khinh tài trong sáng tác của nhà văn Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam", *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội,* (3), tr. 68-74.

7. Phạm Thị Thu Thủy (2016), "Con người Nam Bộ trên hành trình mở đất và giữ đất trong sáng tác của Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Khoa học - Đại học Huế*, (2), tr. 37-49.

8. Phạm Thị Thu Thủy (2016), "Con người Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (387), tr. 74-77.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Sự nghiệp sáng tác của người nghệ sĩ nói chung và tác phẩm văn học nói riêng chịu sự chi phối mạnh mẽ của môi trường sống (các yếu tố thời đại, quê hương, hoàn cảnh gia đình…). Mỗi nhà văn có *"mảnh đất văn học"* riêng, bầu không khí văn chương riêng. Ở đó, người nghệ sĩ hào hứng khám phá vẻ đẹp tiềm ẩn của con người nơi mình thiết tha, gắn bó và hoài niệm. Con người trong văn học Việt Nam ngoài *"mẫu số chung"* của dải lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất còn có nét riêng mỗi vùng miền. Những nét tính cách cơ bản của con người ở các vùng miền khác nhau của Tổ quốc thường do người *"đứng ngoài"* phát hiện nhưng nó đã ăn sâu vào máu thịt, trở thành một nhu cầu tự giác hoặc tự phát của chính các nhà văn, thể hiện qua cách nhìn nhận và biểu đạt con người của họ.

Thông qua việc nghiên cứu hình tượng con người mang bản sắc vùng miền trong sáng tác văn học, chúng tôi xác định được mức độ chiếm lĩnh, thể hiện, cắt nghĩa về con người ở các cấp độ và chiều kích khác nhau, nhờ đó, có thể đánh giá được sự đóng góp của tác giả và tác phẩm đối với lịch sử văn học dân tộc.

1.2. Nam Bộ là vùng đất mới. Từ căn bản văn hóa của các di dân Việt, vùng đất trẻ Nam Bộ đầy tiềm năng sáng tạo được tiếp biến cả kinh nghiệm *"nội sinh"* và *"ngoại nhập"* để trở thành một nền văn hóa đa sắc, đa trị. Rất nhiều nghệ sĩ, nhà khoa học coi Nam Bộ như một nguồn đề tài phong phú, phì nhiêu, không bao giờ vơi cạn những bí ẩn, bất ngờ, gọi mời niềm khao khát tìm hiểu. Con người Nam Bộ trong văn học theo thời gian dần hiện lên như một chủ thể lịch sử, vừa hòa điệu vừa khu biệt, vừa thân quen vừa cá tính, góp một chân dung đẹp đẽ vào bản sắc văn hóa Việt Nam, sức mạnh Việt Nam.

Thực hiện đề tài *"Con người Nam Bộ trong sáng tác văn xuôi của Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam và Nguyễn Ngọc Tư"*, chúng tôi tiếp cận, khám phá hình tượng con người Nam Bộ từ hướng văn hóa học, nhằm khẳng định vẻ đẹp của con người ở tầng sâu văn hóa và lí giải căn nguyên hiện hữu chất văn hóa đậm nét trong thế giới nhân vật của mỗi nhà văn.

1.3. Dù còn ý kiến trái ngược nhau về việc có hay không có nền văn học miền Nam, về vị trí của văn học miền Nam đối với lịch sử văn học dân tộc, thì sự hiện diện và sức lan tỏa từ các tác phẩm văn học miền Nam vẫn là một thực tiễn sống động. Các nhà văn miền Nam đã, đang và sẽ nỗ lực hết mình để đóng góp vào văn học dân tộc tiếng nói riêng của vùng đất mới. Hồ Biểu Chánh (viết tắt: HBC), Bình Nguyên Lộc (viết tắt: BNL), Sơn Nam (viết tắt: SN) và Nguyễn Ngọc Tư (viết tắt: NNT) là bốn trong rất nhiều nhà văn sinh ra tại Nam Bộ, sống ở Nam Bộ và viết về Nam Bộ. Nói cách khác, họ là những tác giả Nam Bộ *"rặt"*. Mỗi người đã ghi dấu tài năng của mình ở những chặng đường khác nhau của văn học miền Nam: nếu HBC viết rất thành công về mảnh đất phía Nam giai đoạn giao thời, BNL - tiêu biểu cho văn hóa thị dân và SN - ngòi bút đặc sắc của văn hóa miệt vườn giai đoạn miền Nam bị tạm chiếm, thì NNT lại được coi là người viết thành công nhất về con người và hiện thực Nam Bộ, giai đoạn đất nước thống nhất, bước vào kỉ nguyên đổi mới, hội nhập. Sáng tác của họ đủ *"vẽ"* nên một lịch trình văn học sử thông qua việc nhận thức, biểu đạt hình tượng con người Nam Bộ.

Lựa chọn đề tài này, chúng tôi muốn làm rõ sự đa dạng và vận động của hình tượng con người Nam Bộ trong sáng tác của bốn nhà văn tiêu biểu cho các giai đoạn quan trọng của

văn xuôi Nam Bộ nói riêng và sự phát triển của văn học Nam Bộ từ cận đại đến đương đại nói chung.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là con người Nam Bộ trong sáng tác văn xuôi của HBC, BNL, SN và NNT.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Các tác giả thuộc đối tượng nghiên cứu của đề tài đều có văn nghiệp đồ sộ nên chúng tôi bắt buộc phải ưu tiên những tác phẩm nào mà hình tượng con người Nam Bộ được thể hiện nổi bật nhất. Mặt khác, do khó khăn trong việc tìm đọc nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn đã được xuất bản từ rất lâu, đã bị thất lạc bản gốc, dù rất cố gắng nhưng trong một số trường hợp cụ thể, chúng tôi buộc phải tạm thời sử dụng nguồn ngữ liệu được đăng tải trên các trang web.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án hướng đến mục đích:

- Khẳng định con người Nam Bộ trong sáng tác của các nhà văn Nam Bộ tiêu biểu là hiện thân của văn hóa, xã hội Nam Bộ;
- Nhận diện được *"mẫu"* người Nam Bộ thể hiện đậm nét trong sáng tác của mỗi nhà văn Nam Bộ ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể;
- Khái quát sự vận động của tư duy văn học bộc lộ ở cách nhìn nhận, biểu đạt con người Nam Bộ in đậm dấu ấn thời cuộc trong gần một thế kỉ văn học vừa qua.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Miêu tả các điều kiện văn hóa - xã hội Nam Bộ dẫn đến sự hình thành tính cách con người Nam Bộ;
- Phác thảo sự vận động của hình tượng con người Nam Bộ trong văn xuôi Nam Bộ hiện đại;
- Lí giải những yếu tố ảnh hưởng đến tâm thức sáng tạo của các nhà văn HBC, BNL, SN và NNT;
- Phân tích đặc điểm của các *"mẫu"* người Nam Bộ và nghệ thuật khắc họa các *"mẫu"* người Nam Bộ trong sáng tác HBC, BNL, SN và NNT;
- So sánh, đối chiếu con người Nam Bộ thể hiện trong tác phẩm của 4 nhà văn và so sánh, đối chiếu hình tượng con người trong văn học miền Nam với văn học miền Bắc và miền Trung;
- Đánh giá những nét đặc sắc trong quan niệm về con người và nghệ thuật xây dựng hình tượng con người của 4 nhà văn, làm rõ sự đóng góp của họ với văn xuôi Nam Bộ hiện đại.

4. Phương pháp nghiên cứu

Căn cứ vào đối tượng đã xác định, để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp cụ thể sau: Phương pháp liên ngành (văn học, ngôn ngữ học, dân tộc học, tâm lí học, địa - văn hóa…); Phương pháp nghiên cứu văn học sử; Phương pháp phân

tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại; Phương pháp phân tích - tổng hợp; Phương pháp so sánh, đối chiếu.

5. Đóng góp của luận án

- Luận án khẳng định tiềm năng của hướng nghiên cứu văn hóa học đối với các hiện tượng văn học.

- Luận án nghiên cứu hệ thống về con người Nam Bộ trong sáng tác văn xuôi của HBC, BNL, SN và NNT qua việc phân tích, đánh giá sự thể hiện đa dạng, độc đáo hình tượng con người Nam Bộ mang đậm bản sắc vùng miền trong sáng tác của các nhà văn tiêu biểu cho từng giai đoạn, cũng như làm rõ sự nối kết, vận động của hình tượng con người Nam Bộ trong tiến trình văn học sử.

- Luận án cung cấp tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu và giảng dạy nền văn học hiện đại miền Nam nói chung và các tác phẩm của HBC, BNL, SN và NNT nói riêng.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận, Luận án được triển khai thành bốn chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và tiền đề hình thành tính cách con người Nam Bộ

Chương 2: Con người đạo lí trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh

Chương 3: Con người mở đất trong sáng tác của Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam

Chương 4: Con người lưu lạc trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH TÍNH CÁCH CON NGƯỜI NAM BỘ

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về con người Nam Bộ trong văn học miền Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay

Nghiên cứu về con người Nam Bộ trong văn học miền Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay là một hướng tiếp cận khá hấp dẫn của nhiều công trình, bài viết, tham luận hội thảo. Chúng tôi quy nạp các nguồn tài liệu có được theo các nhóm sau:

- ***Giai đoạn từ 1945 trở về trước***: công trình ***Phê bình cảo luận*** (1933) của Thiếu Sơn, ***Việt Nam văn học sử yếu*** (1941) của Dương Quảng Hàm hay ***Nhà văn hiện đại*** (1942) của Vũ Ngọc Phan... chỉ đề cập tới vài ba gương mặt tiêu biểu của văn học Nam Bộ như Trương Vĩnh Ký, Đông Hồ, HBC, Mộng Tuyết… trong đó đặc biệt ưu ái HBC.

- ***Giai đoạn từ 1945 đến 1975***:

Do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, việc nghiên cứu văn học miền Nam ở hai miền Bắc - Nam không thống nhất.

Ở miền Bắc, văn học miền Nam ít được chú ý, việc đánh giá chưa đúng với tầm vóc và giá trị. Nguyễn Đình Chú trong ***Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam***, tập IV (1962), Phan Cự Đệ trong ***Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*** (1974) tuy có nhắc đến một số tác phẩm của HBC nhưng vẫn xem nhẹ vị trí của tiểu thuyết quốc ngữ Nam Bộ. Nghiên cứu về văn học đô thị miền Nam 1954 - 1975, các công trình ***Suy nghĩ bước đầu về nền văn nghệ trên một nửa đất nước: Văn nghệ miền Nam*** (1969) của Trần Hiếu Minh, ***Chủ nghĩa nhân đạo và***

một số khuynh hướng văn học công khai trong vùng tạm bị chiếm miền Nam (1972) của Nguyễn Đức Đàn... đều mạnh mẽ phê phán, phủ nhận bộ phận văn học đô thị miền Nam, cho rằng nó chịu ảnh hưởng độc hại của chủ nghĩa thực dân.

Ở miền Nam, số lượng công trình nghiên cứu phong phú hơn và đi theo hai xu hướng khá cực đoan: hoặc hạ thấp như Phạm Thế Ngũ ở ***Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*** (1965), hoặc đề cao như Nguyễn Văn Xuân trong ***Khi những lưu dân trở lại*** (1969). Tình trạng thiếu khách quan như vậy đã làm hạn chế việc nhận diện đối tượng. Những dạng bài điểm sách như ***Giới thiệu Thềm hoang của Nhật Tiến*** (1961) của Thư Trung, ***Chúng tôi đọc "Những kẻ đứng bên lề" của Nguyễn Đình Toàn*** (1964) của Đặng Tiến… dù mới dừng lại ở mức độ giới thiệu, nhưng đã phần nào ghi nhận tính nhân văn của các tác phẩm thông qua bức tranh xã hội và khẳng định vấn đề thân phận con người trong văn học ít nhiều được bàn đến.

- Sau năm 1975, đất nước thống nhất và đổi mới tạo nhiều thuận lợi để giới nghiên cứu có thể đưa ra sự nhìn nhận khách quan, công bằng hơn về một thực thể văn học từng có lúc bị coi là không có dĩ vãng. Vấn đề con người Nam Bộ theo đó cũng được quan tâm, chú ý hơn.

Mảng văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ tiếp tục trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều công trình. Song khía cạnh con người Nam Bộ trong tác phẩm thì chưa được chú ý. Đến ***Hồ sơ về lục châu học*** (2015), Nguyễn Văn Trung mới gián tiếp nhắc tới con người Nam Bộ khi bàn về ngôn ngữ văn chương.

Việc nhìn nhận văn học đô thị miền Nam từ giữa thập kỉ 80 trở đi đã dần điềm tĩnh hơn, bớt khe khắt hơn. Các nghiên cứu coi trọng đến tiêu chí nghệ thuật của tác phẩm. Ở hải ngoại, cộng đồng người Việt cũng rất quan tâm đến văn học đô thị miền Nam.

Sự khởi sắc của văn học Nam Bộ thời kì đổi mới là một thực tế sống động và đã trở thành đối tượng nghiên cứu của một số luận văn, luận án. Bên cạnh đó là các bài viết theo hướng khái quát chung như ***Mấy suy nghĩ về văn học đồng bằng sông Cửu Long*** của Mẫn Tuệ, ***Diện mạo văn xuôi đồng bằng sông Cửu Long*** của Hiền Nguyễn, ***Không gian văn học miền Đông Nam Bộ và hiện thực đời sống hay tâm trạng đời sống*** của Nguyễn Một.

Tóm lại, dù ý kiến đây đó còn có thể có chỗ bất cập, cực đoan, nhưng các công trình, bài viết mà chúng tôi bao quát được đều trực tiếp hay gián tiếp khẳng định điều các nhà văn miền Nam nỗ lực hướng đến là phản ánh con người với số phận, tính cách mang dấu ấn của một vùng văn hóa sông nước, miệt vườn, của miền đất trẻ trung giàu sức sống. Các công trình, bài viết trên ít nhiều đã cho chúng tôi những gợi mở quý báu khi thực hiện đề tài *"Con người Nam Bộ trong sáng tác văn xuôi Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam và Nguyễn Ngọc Tư"*.

1.1.2. Nghiên cứu về con người Nam Bộ trong sáng tác văn xuôi của HBC, BNL, SN và NNT

HBC, BNL, SN và NNT là những nhà văn có nội lực văn chương sung mãn, tình yêu sâu bền và sự am hiểu thiên nhiên, con người miền đất mới. Sáng tác của họ cho người đọc cái nhìn đa diện về tính cách Nam Bộ. Đó cũng là điều mà nhiều nhà nghiên cứu, phê bình quan tâm.

- ***HBC*** là một trong số ít nhà văn Nam Bộ được nhắc đến nhiều, độc lập, kĩ lưỡng trong các công trình văn học sử như ***Chân dung Hồ Biểu Chánh*** của Nguyễn Khuê, ***Một vài cảm nghĩ nhân đọc lại tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh*** của Trần Hữu Tá, ***Hồ Biểu Chánh - cây cầu nối những giá trị cổ truyền với con người hiện đại*** của Hoài Anh, ***Thị hiếu độc giả và vấn đề tính hiện đại trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*** của Trần Văn Toàn, ***Sự kế thừa và đổi mới quan niệm về con người trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*** của Huỳnh Thị Lan Phương… cho thấy sự đặc sắc của ngòi bút HBC khi miêu tả con người Nam Bộ buổi giao thời.

- ***BNL*** là nhà văn hiện đại Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1975 nhận được nhiều sự quan tâm của dư luận ở cả trong nước lẫn hải ngoại. Các bài viết, công trình đều khẳng định BNL đã làm sống dậy trong tâm thức người đọc cái hồn nhiên dung dị, chân chất mà đầy tình nghĩa của con người sinh trưởng tại miền đất mới. Thí dụ: ***Tình quê hương trong tác phẩm nhà văn Bình Nguyên Lộc*** của Huỳnh Hoàng Anh, ***Bình Nguyên Lộc và tình đất*** của Nguyễn Vy Khanh, ***Bình Nguyên Lộc, đất nước và con người*** của Thụy Khuê, ***Văn chương Bình Nguyên Lộc từ góc nhìn văn hóa*** của Phạm Phú Phong, ***Con người và văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn Bình Nguyên Lộc*** của Nguyễn Thị Thu Trang…

- ***SN*** được giới phê bình, nghiên cứu đánh giá là *"nhà Nam Bộ học"* vì tác phẩm của ông giàu chất biên khảo, đậm dấu ấn văn hóa vùng đất mới của Tổ quốc, được thể hiện qua những tri thức phong phú về lịch sử, địa lí; những hiểu biết về con người Nam Bộ; văn phong mang đặc trưng Nam Bộ. Có thể kể đến bài viết của tác giả Viễn Phương, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Văn Giá, Huỳnh Công Tín, Lê Thiếu Nhơn, Trần Phỏng Diều, Võ Văn Thành...

- ***NNT*** là cây bút trẻ Nam Bộ được chú ý nhất trong hơn thập niên gần đây. Tác phẩm của chị, dù là truyện ngắn hay tiểu thuyết đều có tiếng vang, tạo ra dư luận đa chiều. Giới nghiên cứu thống nhất NNT là nhà văn của những số phận người nhỏ bé trong xã hội, có triết lí sống giản đơn mà sâu sắc. Đáng ghi nhận là sự nhạy cảm, sắc sảo trong phân tích giá trị văn chương NNT của các tác giả Trần Hữu Dũng, Nguyễn Trọng Bình, Văn Công Hùng, Tiền Văn Triệu...

Như vậy, các công trình, bài viết tiêu biểu đều khẳng định con người Nam Bộ là đối tượng mà HBC, BNL, SN, NNT tha thiết nắm bắt và đã biểu hiện thành công. Có điều nó chưa chỉ ra *"mẫu"* người Nam Bộ tiêu biểu trong sáng tác của mỗi nhà văn, chưa xem xét con người Nam Bộ trong tiến trình văn học sử, chưa làm rõ sự nối kết cũng như điểm khác biệt trong cách nhìn, cách cảm từ HBC qua BNL - SN đến NNT. Quá trình thực hiện đề tài *"Con người Nam Bộ trong sáng tác văn xuôi Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam và Nguyễn Ngọc Tư"*, chúng tôi sẽ tiếp thu có chọn lọc những gợi dẫn của người đi trước để đào sâu, làm rõ sự vận động này, hi vọng góp thêm một căn cứ khoa học để chiếm lĩnh một gia tài văn hóa quý báu của dân tộc.

1.2. Cội nguồn văn hóa - xã hội, tiền đề hình thành tính cách con người Nam Bộ

1.2.1. Môi trường tự nhiên nuôi dưỡng những tâm hồn phóng khoáng và khát vọng chinh phục, hòa đồng

1.2.1.1. Thiên nhiên hoang sơ, khắc nghiệt

Đầu thế kỉ XVII, những lưu dân Việt đầu tiên đã đến Bà Rịa, Đồng Nai khẩn hoang, dựng làng, đối mặt với một thiên nhiên rộng lớn, giàu tiềm năng nhưng chứa đầy nguy hiểm. Rừng cây rậm rạp, đầm lầy ẩm thấp, trên bờ thì hổ dữ, dưới nước thì cá sấu hoành hành.

Nam Bộ có biển bao quanh với độ dài khoảng 600 km, châu thổ lại tương đối bằng phẳng, chỉ cao hơn mực nước biển từ 80 cm đến 100 cm nên dẫn đến hiện tượng đất đai nhiễm mặn. Cơ chế gió mùa có tính chất phân lập rõ rệt, rất khắc nghiệt. Gió mùa Tây Nam đem mưa về trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 10, với lượng mưa chiếm tới 80 - 90 % lượng mưa cả năm khiến xuất hiện những đợt lũ, liên tiếp từ tháng 6 đến tháng 10. Khi gió mùa Tây Nam ngừng thổi, gió mùa Đông Bắc bắt đầu, Nam Bộ sang mùa khô. Từ tháng 11 trở đi, nước của các dòng sông cạn dần, và đến tháng 4, mực nước xuống cực tiểu. Nam Bộ khô kiệt, nước ngọt trở nên khan hiếm.

1.2.1.2. Thiên nhiên màu mỡ, phì nhiêu

Thiên nhiên Nam Bộ hoang sơ, khắc nghiệt nhưng không ngăn được bước chân các lưu dân. Với lượng nước trung bình hằng năm khoảng 4.000 tỉ mét khối, vận chuyển gần 100 triệu tấn phù sa, sông Cửu Long đã tạo ra vô số cù lao lớn nhỏ, dải bờ biển mới dài và rộng, những vạt phù sa phì nhiêu ven sông, các giồng cát ven biển và đất phèn trên trầm tích đầm mặn trũng thấp… theo thời gian trở thành một hệ sinh thái cực kì phong phú, nhất là thích hợp cho canh tác nông nghiệp. Các loài cây mắm, đước, sú vẹt đóng vai trò quan trọng trong quá trình lấn biển, hạn chế xói lở; các chủng loại cá, tôm, rùa, rắn; những sân chim số lượng ước đến đến hàng chục vạn con; những giống lúa quý được gọi bằng *"nàng"*; những loại hoa trái ngon nức tiếng... là nguồn sống, là niềm tự hào của vùng đất Nam Bộ.

Ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, lại nằm ở vị trí cầu nối Đông sang Tây, điểm trung chuyển từ Bắc xuống Nam, Nam Bộ nhanh chóng xây dựng được các thương cảng lớn, đông vui sầm uất.

So với các vùng miền khác, Nam Bộ là nơi có khí hậu tương đối ổn định, cân bằng với hai mùa kế tiếp tuần hoàn. Lũ lụt thường xảy ra theo chu kì và nếu ý thức được quy luật để chủ động ứng phó thì lũ lụt còn đem lại lợi ích to lớn như cung cấp bùn để tái sinh đất bị cạn kiệt vì thâm canh, loại bỏ những phân bón dư thừa, duy trì và phát triển phong phú sinh vật.

1.2.2. Môi trường xã hội: những biến thiên lịch sử đặc thù

1.2.2.1. Tha hương, di dân và sứ mệnh của người mở đất

Những lưu dân đầu tiên đặt chân đến mảnh đất phương Nam đã gánh trên vai mình một sứ mệnh lịch sử: sứ mệnh của người mở đất.

Công việc đầu tiên của họ là lo khai thác đất hoang, tranh chấp với sóng biển, đương đầu với thú dữ. Họ cũng tổ chức cuộc sống theo phương thức quần cư làng xóm ấp. Cảnh quan làng Việt Nam Bộ thoáng, mở, không bị bao bọc kín mà bám dọc theo kênh rạch hoặc các trục lộ giao thông.

Lựa chọn được không gian sinh tồn phù hợp, những người khẩn hoang làm thủy lợi, trồng lúa, trồng các loại hoa màu, cây trái, chăn nuôi gia súc, đánh bắt thủy sản, làm các nghề thủ công nghiệp... Người dân dùng phảng phát cỏ chứ không bừa nhằm tận dụng sự phì nhiêu của đất và tránh đất bị xới phèn; biết tuyển chọn loại cây thích hợp với chất đất để thành những sản vật độc đáo như chôm chôm Cái Mơn, quýt Sa Đéc, cau Gia Định. Ở Nam Bộ cũng sớm hình thành các làng nghề như xóm Lò Vôi, xóm Chiếu, xóm Dầu, xóm Chỉ, xóm Lò Gốm…

Sản phẩm làm ra phong phú, dồi dào, lại nhanh chóng thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế hàng hóa. Chợ quán, các trung tâm thương mại mọc lên.

Phát triển kinh tế đi cùng với phát triển văn hóa, lưu dân rất chú ý đến việc dựng trường học. Cuối thế kỉ XVIII, Nguyễn Ánh đã cho đặt chức đốc học, ban bố học quy, mở khoa thi. Trí thức Nam Bộ cũng tích cực dịch sách kĩ thuật của phương Tây, học vẽ bản đồ, học đóng tàu và chế tạo vũ khí…

1.2.2.2. Sự "cọ xát" của những nền văn hóa khác biệt

Nam Bộ là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa do nhiều dân tộc khác nhau mang tới. Các văn hóa đó tương tác với nhau, tự chọn lựa, tự điều chỉnh để cùng cộng sinh thành một nền văn hóa đa bản sắc mà thống nhất.

Chiếm số đông, vẫn tiếp tục nghề trồng lúa nước, người Việt ở Nam Bộ đã tìm ra những phương thức canh tác mới với kĩ thuật cao. Hành trang người Việt mang đến đất phương Nam là tục thờ cúng tổ tiên, là đạo mẫu. Cuộc *"cộng sinh"* ở môi trường mới cho họ thêm phẩm chất cởi mở và hòa đồng, họ có khả năng chung sống với nhiều tôn giáo mới. Lưu dân Việt vốn nặng tình gia tộc, cội nguồn nên sống giữa không gian xa lạ càng dễ gặp cảm giác cô đơn. Họ cất lên điệu hò, điệu lí cho lòng nhẹ bớt. Ý thức cội nguồn chính là nền tảng sâu xa của tình yêu quê hương đất nước. Những con người đó không bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù. Người Việt vốn trọng nghĩa tình. Đến Nam Bộ, phải đương đầu với thiên tai, thú dữ, họ lại càng yêu quý bạn bè, chòm xóm, không hẹp lòng với người đồng cảnh ngộ. Người Việt Nam Bộ không bảo thủ mà chủ động tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm từ kẻ khác để trưởng thành. Họ dễ dàng cải biến các món ăn độc đáo của người Hoa, người Chăm; các cách trang phục, giao tiếp của người phương Tây để hoàn thiện cuộc sống bản thân.

Ngoài văn hóa của người Việt, Nam Bộ còn hội tụ nhiều sắc thái văn hóa khác, trong đó đậm nét hơn cả là văn hóa Hoa, không phải những thể chế văn hóa khô cứng, khuôn mẫu tồn tại qua các triều đại phong kiến mà là văn hóa bình dân theo bước di dân vào Nam Bộ. Thời gian đầu, người Hoa ở Nam Bộ sản xuất nông nghiệp. Sau đó, họ nhanh chóng chuyển sang giao thương, buôn bán, vốn là thế mạnh của họ. Với người Hoa, những quan hệ gia đình, họ tộc, đồng hương, đồng nghiệp được đặc biệt giữ gìn như những giá trị thiêng.

Người Khmer Nam Bộ sống chủ yếu bằng trồng trọt, chăn nuôi. Họ sống tập trung ở các phum, sóc. Người Khmer Nam Bộ thật thà, ngay thẳng, tôn trọng đạo lí và luôn yêu thương, giúp đỡ người khác. Họ có rất nhiều tập tục, lễ hội riêng như hội đua ghe ngo, như các điệu hát Cheay, múa Râmvông, các bộ nhạc cụ đồ sộ, phong phú… Những bài văn vần, truyện cổ tích, truyện lịch sử của họ vừa độc đáo vừa thành phương tiện giao lưu văn hóa với cộng đồng các dân tộc, cấu thành sự đa dạng, phong phú văn hóa cho đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Người Chăm Nam Bộ sinh sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng, dệt thêu và buôn bán. Họ có ý thức tập thể cao, tự giác lo toan những nhiệm vụ chung của jammaah, như chọn ra người tổ chức, quản lí các sinh hoạt cộng đồng, hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Văn hóa Chăm ở Nam Bộ có nét riêng. Các thánh đường được kiến trúc độc đáo, vừa chịu ảnh hưởng của phong cách Ả rập, Ấn Độ, vừa có sự điều chỉnh cho phù hợp với vùng sông nước phương Nam.

Bên cạnh đó, sự tích hợp các hệ giá trị văn hóa ở Nam Bộ không chỉ từ phía các tộc người cộng cư mà còn từ nhiều nền văn hóa khác ngoài Nam Bộ và Việt Nam. Nếu từ giữa thế kỉ XVIII, thực dân Pháp đã tiến hành khai thác thuộc địa ở Nam Bộ, thì những năm 50 -

60 của thế kỉ XX, đế quốc Mĩ không bỏ qua cơ hội đồng hóa dân tộc Việt bằng những quan điểm, tư tưởng tiến bộ cũng có mà lai căng, phản tiến bộ cũng có. Nhưng với bản lĩnh kiên cường, người Việt Nam nói chung, người Nam Bộ nói riêng đã biết tỉnh táo chọn lọc những gì thích hợp, đấu tranh với thứ văn hóa nô dịch để tiếp nhận ở văn hóa phương Tây các giá trị cần thiết cho sự phát triển.

Như vậy, ta có thể sơ bộ khẳng định sự phức tạp về điều kiện tự nhiên, những thăng trầm lịch sử, tính đa trị của chủ thể văn hóa đã hình thành nên *"mẫu số chung"* tính cách con người Nam Bộ. Đó là những người dám chấp nhận phiêu lưu mạo hiểm, mạnh mẽ dấn thân tiên phong trong công cuộc khai mở bờ cõi, kiếm tìm cơ hội đổi đời. Họ sống bộc trực, thẳng thắn, trượng nghĩa, ưa lối sinh hoạt ồn ào, hào phóng kiểu xả láng hết mình. Họ làm việc với khả năng linh hoạt, sáng tạo khá cao... Đương nhiên, *"mẫu số chung"* ấy không phải là một căn cước, một bản sắc bất biến mà là sản phẩm của quá trình kiến tạo. Nó được *"tái cấu trúc"* liên tục cùng lịch sử mở mang, phát triển vùng đất phương Nam, song song với các mối *"liên kết hay va chạm trong cộng cư với các tộc người lân cận"* (Nguyễn Mạnh Tiến). Mặt khác tính cách Nam Bộ không *"dị biệt"*, xa lạ với tính cách Việt, mà được cư dân nhiều nơi *"sở hữu"*, *"chia sẻ"*, có điều nó *"sắc nét"*, *"nổi trội"* hơn do đặc điểm địa - chính trị, địa - lịch sử đặc thù của vùng đất phương Nam.

Tính cách con người miền đất mới đã được nhiều thế hệ nhà văn Nam Bộ say mê khám phá, đem lại những giá trị nhân văn - thẩm mĩ phong phú.

Người ta thường nhắc đến hình tượng con người Nam Bộ dấn thân, quả cảm, kiên trì, năng động với công cuộc khẩn hoang và làm kinh tế trong sáng tác của HBC, Phi Vân, BNL, SN, Anh Đức, Nguyễn Mạnh Tuấn...

Văn xuôi Nam Bộ hiện đại còn gây ấn tượng nổi bật bằng các nhân vật *"trọng nghĩa khinh tài"* trong tác phẩm của Nguyễn Chánh Sắt, HBC, BNL, SN, Đoàn Giỏi, Nguyễn Thi, Dạ Ngân, NNT... Họ là những người lao động bình thường nhưng hào hiệp, sẵn lòng cưu mang, giúp đỡ người khác, không tính toán thiệt hơn, bao dung, độ lượng, trân quý những giá trị truyền thống, khinh ghét thói giả dối, độc ác.

Độc giả cũng rất hứng thú với các nhân vật ưa mạo hiểm, dấn mình vào cuộc sống trôi dạt bất định trong tiểu thuyết, truyện ngắn của Phú Đức, HBC, BNL, SN, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng, Trầm Hương, NNT... Tuy căn nguyên của mỗi hành trình lưu lạc không giống nhau nhưng điểm chung của con người lưu lạc trong văn xuôi Nam Bộ hiện đại là không chối bỏ quá khứ, vẫn đau đáu tìm về cội nguồn, gốc rễ.

Các tác giả Nam Bộ trong cảm hứng khám phá con người miền đất trẻ với tính cách độc đáo, hấp dẫn đồng thời cũng không nguôi trăn trở về thân phận con người nói chung. Đề cập đến thân phận con người - vấn đề muôn thuở, vĩnh cửu của sáng tạo nghệ thuật, các nhà văn Nam Bộ đã chạm vào *"vệt đường lớn"* (Lê Nguyên Cẩn) của văn hóa Việt Nam.

Nhìn chung, hình tượng con người Nam Bộ với tính cách đa dạng, đặc trưng đã được khắc họa trong sáng tác của các nhà văn, trở thành những *"mẫu"* người điển hình. Song, do những điều kiện chủ quan và khách quan, có *"mẫu"* người được tô đậm ở tác phẩm này, ở văn chương của tác giả này; có *"mẫu"* người được điệp đi, điệp lại trong sáng tác kia, trong sự nghiệp của nhà văn kia. Khảo sát sáng tác của bốn nhà văn Nam Bộ tiêu biểu cho từng giai đoạn văn học, chúng tôi nhận thấy bên cạnh việc khám phá, thể hiện các *"mẫu"* nhân vật vừa đặc thù vừa phổ biến như trên đã nói, mỗi tác giả còn bị ám ảnh, lôi cuốn bởi một

"mẫu" nhân vật riêng. Đó là hình tượng con người gìn đạo, giữ đạo trong văn xuôi của HBC; con người mở đất với sứ mệnh lớn lao trong văn xuôi của BNL, SN; con người mang nặng cảm thức lưu lạc, cô đơn nhưng vẫn khao khát cái đẹp, cái thiện trong văn xuôi của NNT. Sự phong phú của tính cách Nam Bộ được biểu hiện sinh động ở sáng tác của mỗi nhà văn đã góp phần hoàn thiện, sáng rõ chân dung con người nơi miền đất mới, đồng thời định vị diện mạo văn chương Nam Bộ.

Chương 2

CON NGƯỜI ĐẠO LÍ TRONG SÁNG TÁC CỦA HỒ BIỂU CHÁNH

Năm 1884, thực dân Pháp chia Việt Nam thành ba đơn vị hành chính (Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì) để dễ bề cai trị. Mục đích biến Nam Kì trở thành bàn đạp để đánh chiếm Bắc Kì và Trung Kì, người Pháp tích cực xây dựng các bến cảng, đường xe lửa, công xưởng... khiến kinh tế Nam Kì phát triển mạnh mẽ, dẫn đến cơ cấu xã hội Nam Kì có nhiều thay đổi, xuất hiện nhiều tầng lớp xã hội mới với những khuynh hướng thẩm mĩ và tư tưởng mới

Thực dân Pháp bãi bỏ chế độ khoa cử Hán học, đưa nhiều thanh niên sang Pháp học, dạy chữ Quốc ngữ cho nam nữ... Ngành xuất bản và báo chí bắt đầu phát triển giúp cho chữ Quốc ngữ được phổ biến nhanh chóng *"góp phần không nhỏ trong việc phổ biến các tác phẩm văn học đến công chúng, tạo động lực thúc đẩy các nhà văn sáng tác"* (Nguyễn Kim Anh). Vai trò dẫn dắt tư tưởng cộng đồng từ các sĩ phu chuyển dần sang lớp trí thức tiểu tư sản, những người rất nhạy cảm với thời cuộc, vừa có điều kiện tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ vừa tha thiết bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp.

Từ những biến đổi về chính trị - kinh tế - xã hội - văn hóa, văn học Nam Bộ đặc biệt là văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ đã hình thành và đạt được bước tiến đáng kể. Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trọng Quản, Trương Duy Toản, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoằng Mưu... là những người đặt nền móng cho văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ với hàng loạt tác phẩm gây chú ý. Một số người như HBC, Phú Đức, Phạm Minh Kiên... có sức sáng tạo dồi dào, bền bỉ, bao trùm nhiều giai đoạn văn học. Họ đi theo ba khuynh hướng chính: tiểu thuyết lịch sử; tiểu thuyết trinh thám - vụ án; tiểu thuyết xã hội - đạo lí. Nhiều tác giả thành danh từ các cuộc thi như Trần Quang Nghiệp, Phan Huấn Chương, Phi Vân... Song song với bộ phận văn học hợp pháp là văn học yêu nước cách mạng gồm những nhà văn thuộc nhóm các chí sĩ phong trào Minh Tân (đầu thế kỉ XX), nhóm yêu nước cách mạng có khuynh hướng dân chủ và cánh tả (từ thập niên hai mươi đến trước 1945), nhóm yêu nước cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương với những tên tuổi như Trần Chánh Chiếu, Sương Nguyệt Anh, Nguyễn An Ninh, Trần Hữu Độ, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Giàu...

Điều đáng nói là các nhân vật của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ dù là những anh hùng đấu tranh giành độc lập dân tộc hay là các thám tử thông minh, tài năng; là người nông dân nghèo khổ hay các chàng trai, cô gái khát khao tự do luyến ái...; thì nó vẫn chạm đến vẻ đẹp của con người đạo lí phương Nam mà HBC thể hiện thành công hơn cả. Đây có thể coi như chất Nam Bộ được hun đúc từ cội nguồn văn hóa - xã hội của miền đất tân lập, trở thành một *"điển phạm"* văn chương trong tác phẩm Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, một cách *"tự vệ"*, *"miễn nhiễm"* với những rối ren của xã hội đương thời.

2.1. Con người đạo lí - một "điển phạm" văn chương Nam Bộ từ cuối thế kỉ XIX

Thiên nhiên và quá trình hình thành vùng đất mới Nam Bộ đã nhào nặn, cải biến nên những nét tính cách đặc trưng của con người - chủ thể văn hóa Nam Bộ. Họ bộc trực, hào hiệp, trượng nghĩa, yêu - ghét rõ ràng. Họ biết chắt lọc những tinh túy của đạo Nho, đề cao chính nghĩa, cương thường. Trong cuộc *"cọ xát"* với văn hóa của *"kẻ khác"*, cộng đồng nào cũng có tâm thế tự vệ để không bị đồng hóa. Và một trong những điểm tựa để kháng cự lại nguy cơ mất bản sắc là các giá trị, các chuẩn mực đạo đức của ông cha. Đây là lí do sâu xa của dòng văn chương đạo lí ở Nam Bộ.

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là một trong những tác gia văn hóa lớn, niềm tự hào của văn học Nam Bộ. Giá trị văn chương của ông được kết tinh ở sức mạnh đạo lí. Những nhân vật hành xử theo truyền thống nhân nghĩa, thủy chung, khảng khái đấu tranh diệt trừ cái xấu, cái ác trong sáng tác của ông đã trở thành một *"điển phạm"* văn chương để các nhà văn ở những thế hệ tiếp theo kế thừa, phát huy. Thực ra, mẫu người đạo lí không phải chỉ có trong văn học Nam Bộ, cũng không phải là kiểu nhân vật chỉ xuất hiện ở sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Song, do đặc điểm văn hóa - xã hội vùng miền mà nó nổi lên như một đặc tính cơ bản của người Nam Bộ, nghĩa là chỉ ở đây, phẩm chất này mới có tính phổ biến. Và, bởi hoàn cảnh sáng tác, quan niệm nghệ thuật nên mẫu người đạo lí sẽ trở đi trở lại trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Ở ***Lục Vân Tiên*** (sáng tác vào những năm 50 của thế kỉ XIX), ngay phần nhập đề, tác giả đã coi *"trung hiếu"*, *"tiết hạnh"*, *"tu nhân tích đức"* như là nền tảng của đạo lí dân tộc. ***Lục Vân Tiên*** là bài ca hào sảng về lòng nhân việc nghĩa, về tinh thần đấu tranh giữ gìn đạo lí của nhân dân Nam Bộ. ***Lục Vân Tiên*** cũng là sự tự thể hiện bản lĩnh của Nguyễn Đình Chiểu trước cú đòn phũ phàng của số phận.

Lục Vân Tiên có một hệ thống nhân vật mang tính cách trọng nghĩa khinh tài. Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Tử Trực, Tiểu đồng, ông Quán, ông Ngư, ông Tiều... không chỉ *"rao giảng"* truyền thống tốt đẹp của cha ông mà còn tích cực *"hành đạo"* giúp đời. Họ hành đạo phân minh như cá tính rạch ròi, bộc trực của con người Nam Bộ; họ mạnh mẽ, quyết liệt vì họ không đơn độc, không *"lỗi nhịp"* với ước vọng sôi nổi, với cuộc sống bền bỉ của nhân dân.

Trong văn chương Nguyễn Đình Chiểu, vẻ đẹp của con người sống theo các chuẩn mực đạo đức được thể hiện ở nhiều phương diện. Con người hiếu thảo với cha mẹ, kính mến và biết ơn thầy, giữ tín nghĩa với bạn bè, ân tình giữa chủ tớ, thủy chung với vợ/ chồng... Được phóng rọi ở nhiều mối quan hệ, con người đạo lí của Đồ Chiểu có vẻ đẹp tâm hồn hấp dẫn độc giả nhiều thế hệ. Họ *"trung"*, *"hiếu"*, *"tiết"*, *"nghĩa"* theo tinh thần Nho giáo nhưng không gò bó, cực đoan mà linh hoạt, cởi mở thể hiện quan niệm đạo lí nhân bản của người bình dân.

Đọc ***Lục Vân Tiên***, dễ nhận ra thế vận động mãnh liệt của đạo lí trong toàn bộ sự phát triển cốt truyện. Đạo lí là mạch trung tâm, là linh hồn của tác phẩm. Từ trang sách, con người đạo lí bước vào cuộc đời, *"chiếm lĩnh buồng tim khối óc của người đọc và trở thành những tấm gương chói lọi đối với nhiều thế hệ"* (Đặng Thai Mai).

Đến tận bây giờ, người bình dân Nam Bộ vẫn thấy hình ảnh Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga có một sức hấp dẫn, lôi cuốn đặc biệt, còn giới nghiên cứu coi đó là một *"điển*

phạm" văn chương *"đáng tiếp thu và đáng được thế hệ đương đại và các thế hệ kế tiếp bảo tồn"* (Nguyễn Hưng Quốc).

2.2. Con người gìn đạo, giữ đạo trong sáng tác của HBC

2.2.1. Đề cao chuẩn mực đạo đức

HBC đã kế thừa và phát triển kiểu con người đạo lí trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng nếu nhân vật hành đạo của Nguyễn Đình Chiểu tập trung ở các phẩm chất *"trung"*, *"hiếu"*, *"tiết"*, *"nghĩa"* thì kẻ gìn đạo, giữ đạo của HBC được biểu hiện ở nhiều phương diện, được miêu tả trong nhiều mối quan hệ: vua tôi, bạn bè, xóm giềng, ông cháu, cha con, anh em, vợ chồng... Bên cạnh đó, nếu Nguyễn Đình Chiểu tập trung đông đảo nhân vật vào một tác phẩm thì HBC chỉ cho họ xuất hiện đơn lẻ, có lúc họ khá cô đơn, lạc lõng. HBC cũng không biến nhân vật của mình thành cái loa rao giảng đạo đức mà biết kết hợp với những khả năng mới mẻ, linh hoạt của nghệ thuật tự sự hiện đại, thông qua hiện thực về cuộc đời, số phận của những con người cụ thể, nhằm thể hiện vẻ đẹp tâm hồn người dân Nam Bộ.

2.2.1.1. Những ứng xử trong gia đình, họ tộc

Là nhà văn *"lấy luân lí làm gốc, lấy cổ gia đình làm khuôn mẫu, lấy sự trung hậu làm điều cốt yếu trong mọi việc ở đời"* (Vũ Ngọc Phan), HBC đã có những trang viết thật sự cảm động về quan hệ giữa ông bà, cha mẹ với con cháu, giữa anh với em, giữa vợ với chồng (***Ai làm được***, ***Cha con nghĩa nặng***, ***Lời thề trước miễu***, ***Đóa hoa tàn***). Các mối quan hệ đó được soi chiếu kĩ lưỡng, không khô khan, cứng nhắc mà mềm mại, sinh động. Những nhân vật đạo lí của HBC thuộc mọi tầng lớp khác nhau trong xã hội, từ con nhà nghèo đến con nhà giàu, từ bình dân đến trí thức, ở cả nông thôn lẫn thành thị (***Con nhà nghèo***, ***Con nhà giàu***). Những câu chuyện ông kể *"luôn hé mở một viễn cảnh tươi sáng… người tốt bao giờ cũng được hưởng hạnh phúc, dù phải trải qua nhiều vất vả, gian truân"* (Nguyễn Văn Nở, Huỳnh Thị Lan Phương).

2.2.1.2. Những ứng xử trong cộng đồng

Xét về mối quan hệ *"dân ấp, dân lân"*, con người trong tác phẩm HBC cưu mang, đùm bọc nhau một cách tự nguyện, không vụ lợi. Họ chuộng nghĩa khí, *"thi ân bất cầu báo"*. Hành động của họ tuy không thật hào sảng nhưng là sự tiếp nối của các nhân vật trong ***Lục Vân Tiên*** (***Đại nghĩa diệt thân***, ***Ngọn cỏ gió đùa***, ***Ông Cử***). Không chỉ bàn đến mối quan hệ trong sáng, cao thượng giữa con người với con người mà HBC còn chú ý đến sự gắn bó, thủy chung của con người với môi trường sống (***Con nhà nghèo***, ***Ý và tình***). Nhân vật của ông ưng cuộc đời thanh thản tự do nơi ruộng vườn, được làm công việc mình yêu thích.

2.2.2. Kiên quyết chống lại cái xấu, cái ác

Thế kỉ XIX, Nguyễn Đình Chiểu khẳng định: *"Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương"*. *"Ghét"* và *"thương"* là hai trạng thái tình cảm đối lập mà biện chứng của con người, trở thành những sở trường khác nhau ở mỗi ngòi bút. Chịu ảnh hưởng Nho giáo sâu đậm, HBC cũng luôn trân trọng những con người biết gìn đạo, giữ đạo và không nhân nhượng trước cái xấu, cái ác.

2.2.2.1. Lên án thói nô lệ đồng tiền

Xã hội giao thời khi có sự tác động của lối sống tư sản, sức công phá của đồng tiền càng ghê gớm, quyết liệt hơn bao giờ hết. HBC, một mặt, đã xây dựng thành công những nhân vật không từ bất cứ thủ đoạn nào để có tiền, mặt khác, đã khắc họa sinh động những

tính cách Nam Bộ quyết liệt kết án sự tha hóa bởi đồng tiền (***Chúa tàu Kim Quy***, ***Thầy thông ngôn***). Đặc biệt, một số nhân vật trong tiểu thuyết của HBC từ cách cảm, cách nghĩ về đồng tiền mà khẳng định nhân sinh quan tích cực (***Tiền bạc, bạc tiền***, ***Tại tôi***).

2.2.2.2. Căm ghét sự tráo trở, giả dối

HBC đã phác họa chân dung đa dạng của những kẻ khiếm khuyết về tâm hồn, nhân cách - những ung nhọt cần mổ xẻ, loại bỏ trong một cơ thể Nam Bộ cường tráng, lành mạnh (***Ngọn cỏ gió đùa***, ***Nhân tình ấm lạnh***). Con người đạo lí trong sáng tác của HBC trước sau đều chọn cách ứng xử dứt khoát, không khoan nhượng với những cái đồi bại, vô luân trong xã hội (***Ai làm được***, ***Khóc thầm***, ***Ông Cử***). Cuộc đấu tranh của đạo đức ấy thể hiện cái nhìn thực tế, nghiêm khắc, đa chiều của nhà văn về cuộc đời. Các nhân vật của ông không chỉ biết tha thiết với những giá trị văn hóa tốt đẹp, vững bền của dân tộc mà còn có năng lực tri nhận, loại bỏ những mảng tối lẩn khuất trong các mối quan hệ và trong tâm hồn con người.

2.2.2.3. Phê phán xã hội suy đồi, bất công

Trong sáng tác của HBC, không hiếm chuyện bại hoại luân thường đạo lí. Ông đã đưa vào tác phẩm khá nhiều vụ hiếp dâm, ngoại tình, đĩ điếm, án mạng... như bằng chứng về một hiện thực u ám (***Chúa tàu Kim Quy***, ***Bỏ vợ***, ***Nợ đời***). Tình trạng suy đồi phong hóa khiến nhiều nhân vật thanh niên Tây học trăn trở, day dứt. Họ muốn làm một điều gì đó để chấn hưng phong hóa. Đặc biệt, HBC đã giao trách nhiệm chấn hưng phong hóa lên vai người phụ nữ. Trong tiểu thuyết của ông có những nhân vật nữ mạnh mẽ, tự tin, suy nghĩ táo bạo, lời lẽ thuyết phục, hành động cương quyết (***Đoạn tình***, ***Khóc thầm***, ***Tân Phong nữ sĩ***).

Đầu thế kỉ XX, ở Nam Bộ vẫn tồn tại bao bất công, ngang trái. Nhà văn gửi gắm kì vọng thay đổi xã hội vào một số thanh niên Tây học có tài năng, có nhiệt huyết, khao khát làm việc hữu ích cho xã hội (***Ý và tình***, ***Khóc thầm***). Tuy có cái nhìn khá chủ quan về công cuộc đổi thay xã hội, nhưng ít nhiều các nhân vật của HBC đã đem đến cho văn chương đương thời một luồng sinh khí khỏe khoắn, mới lạ, sắc thái độc đáo của cái tôi cá nhân.

2.3. Nghệ thuật khắc họa hình tượng con người đạo lí của HBC

2.3.1. Đặt nhân vật vào tình huống éo le, kịch tính

HBC khi viết về những con người Nam Bộ trong trạng thái giằng co, đấu tranh trước cám dỗ của tiền bạc để sống theo chuẩn mực đạo lí thường *"đẩy họ vào giữa những sự rắc rối khắt khe dồn dập"*, *"tai họa bất ngờ"*, *"tình duyên dang dở"*, *"lưu lạc phong trần"* (Nguyễn Khuê) làm nổi bật nét đẹp của tâm hồn, tính cách phương Nam. Các nhân vật của ông luôn đối diện với những tình huống trớ trêu, buộc họ phải có những hành động, lời nói bộc lộ bản chất (***Chúa tàu Kim Quy***, ***Ngọn cỏ gió đùa***, ***Cư kỉnh***). Đó là *"chiêu thức"* tăng sức hấp dẫn cho tác phẩm, lôi cuốn người xem.

2.3.2. Chú trọng miêu tả thân thế, ngoại hình, hành động, ngôn ngữ nhân vật

HBC khá dềnh dàng khi giới thiệu thân thế của những con người đạo lí trong mạch văn dân dã kiểu *"nói có đầu có cuối"*. Về cơ bản, con người gìn đạo, giữ đạo trong tiểu thuyết của HBC có nguồn gốc dân dã, bình phàm, "*xuất hiện trong kích thước tự nhiên, gần gũi với hiện thực đời sống, làm giảm bớt đi tính chất "tôn quý", đặc tuyển của mẫu nhân vật lí tưởng như ta thường thấy trong văn học truyền thống"* (Trần Văn Toàn).

Quan niệm *"nhân hiền tại mạo"* nên cách miêu tả ngoại hình nhân vật của HBC khá kĩ lưỡng. Ngoài một số chân dung mang vẻ đẹp lí tưởng, ông tôn trọng sự thống nhất giữa ngoại hình với hoàn cảnh sống, tính cách, số phận của con người (***Đoạn tình***, ***Ông Cử***). Nhà

văn cũng luôn ưu tiên miêu tả hành động, qua đó phát triển cốt truyện, bộc lộ tính cách nhân vật. Tuy nhiên, khác với những con người *"trung"*, *"hiếu"*, *"tiết"*, *"nghĩa"* ở ***Lục Vân Tiên*** có hành động lớn lao, mang tầm ảnh hưởng vượt ngoài khuôn khổ thời gian hữu hạn, không gian nhỏ hẹp; con người đạo lí ở tác phẩm của HBC *"yếu đuối hơn, hạn chế hơn trong sức mạnh hành động"* (Trần Văn Toàn). Họ chỉ giúp đỡ được ai đó ở một chặng đời rất ngắn. Bản thân cuộc đời họ quá nhiều đau khổ, nên họ hay khóc và thường phải lưu lạc (***Cay đắng mùi đời***, ***Chúa tàu Kim Quy***, ***Tiền bạc, bạc tiền***).

Đề cao chuẩn mực đạo đức, lên án cái xấu, cái ác, con người đạo lí trong sáng tác HBC thường dẫn thành ngữ và sử dụng lối nói biền ngẫu, có vần, có đối theo truyền thống. Mặt khác, nhân vật đạo lí của ông khi nói thường sử dụng những biến thể ngữ âm, những ngữ khí từ phổ biến ở miền đất tân lập, đã đem lại tính chất dân dã, bình dị cho lời đối thoại, làm cho quan niệm về đạo lí của các nhân vật trong tác phẩm không quá cao siêu, xa vời mà tự nhiên như hơi thở đời sống.

Tóm lại, gắn bó và tự hào về quê hương Nam Bộ, HBC đã dồn hết tài năng văn chương và tâm huyết của một trí thức được hấp thụ hai nền giáo dục, văn hóa Đông - Tây, tân - cổ để khắc họa sắc nét, đa dạng và thành công con người đạo lí Nam Bộ. Đó là những người luôn trân trọng, giữ gìn các giá trị đạo đức của ông cha, khinh ghét, lên án sự phi nghĩa, vô luân. Con người ấy vừa là sự tiếp nối hình tượng con người đạo lí trong văn thơ Nguyễn Đình Chiểu vừa có những đặc điểm riêng biệt, mang dấu ấn của một giai đoạn lịch sử cụ thể. Con người ấy được đặt trong những tình huống éo le, bất ngờ có tính thử thách; được miêu tả chủ yếu ở phương diện thân thế, ngoại hình, hành động và ngôn ngữ. Nó đã trở thành một mẫu hình trong tiểu thuyết HBC, giúp *"người đọc hôm nay có thể nhận diện ra được con người của một thời đại"* (Nguyễn Vy Khanh). Nối dài mạch cảm hứng về con người đạo lí của HBC, không lâu sau, ở Nam Bộ, Thới Xuyên ra mắt bạn đọc tiểu thuyết ***Người vợ hiền*** (đăng trên Phụ Nữ Tân Văn 1929) và Phan Huấn Chương giới thiệu tiểu thuyết ***Hòn máu bỏ rơi*** (đăng trên Phụ Nữ Tân Văn 1933). Hai tác phẩm đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận, ***Hòn máu bỏ rơi*** còn nhận giải thưởng văn chương của báo Đuốc Nhà Nam, bởi khẳng định cách ứng xử nhân nghĩa, tốt đẹp của con người miền đất mới trong mối quan hệ gia đình và xã hội. Hình tượng con người đạo lí cũng được các nhà văn Nam Bộ ở những thế hệ sau như BNL, SN, Dạ Ngân, Lý Lan, NNT... khai thác, tuy không phong phú, trực diện như nhân vật của HBC nhưng ít nhiều có ấn tượng. Họ tiếp sức cùng HBC đưa tính cách *"trọng nghĩa khinh tài"* trở thành một chất riêng, là bản sắc độc đáo của chủ thể văn hóa Nam Bộ.

Chương 3

CON NGƯỜI MỞ ĐẤT TRONG SÁNG TÁC CỦA BÌNH NGUYÊN LỘC, SƠN NAM

Thành tựu của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ đầu thế kỉ XX đã ảnh hưởng không nhỏ đến lí tưởng nghệ thuật của các cây bút lớp sau như Trần Bạch Đằng, BNL, Lý Văn Sâm, SN... - những người sẽ đóng vai trò vừa tiếp nối, vừa cách tân để tạo ra một diện mạo mới cho văn học Nam Bộ sau 1945.

Những năm đầu Cách mạng, phần đông nhà văn Nam Bộ tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc, sau đến là hoạt động ở các Chi hội Văn nghệ kháng chiến Nam Bộ hoặc các Nhóm

Văn nghệ địa phương. Kháng chiến gian khổ nhưng sinh hoạt văn học miền Nam không trầm lắng. Hoạt động báo chí và xuất bản phát triển mạnh mẽ. Các cuộc thi văn học được tổ chức thường xuyên. Nhiều tác phẩm có tiếng vang. Một số cây bút trẻ cũng bắt đầu định hình phong cách.

Từ 1954 đến 1975, đội ngũ sáng tác của văn xuôi Nam Bộ ngày càng đông đảo và phức tạp. Nhiều nhà văn tập kết ra Bắc. Một số theo sự phân công của tổ chức ở lại Sài Gòn tiếp tục hoạt động trên lĩnh vực báo chí và văn chương. Trong số những người Bắc di cư vào Nam có các nhà văn tên tuổi và nhiều tài năng trẻ. Đội ngũ còn được bổ sung bởi các cây bút đến từ miền Trung và một số người viết trẻ.

Phản ánh hiện thực bộn bề, bất bình thường thời chiến, văn xuôi Nam Bộ 1954 - 1975 gây ấn tượng sâu đậm về số lượng và chất lượng. Nhiều tác phẩm văn học và bài báo công khai đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước, chống lại chế độ Mĩ ngụy, phê phán xã hội đương thời. Một số sáng tác thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người Nam Bộ thời kì khẩn hoang lập ấp, khẳng định tâm sự khắc khoải của lưu dân về gốc gác, cội nguồn. Có những nhân vật muốn phá phách, đạp tung cuộc sống buồn tẻ, chật hẹp nhưng cuối cùng chỉ là sự chán chường, mệt mỏi. Bên cạnh đó không ít tác phẩm mang định kiến chính trị, phụ họa cuộc chiến tranh tâm lí của chính quyền, làm bồi bút hơn là làm nghệ thuật. Nhưng công chúng và thời gian đủ sáng suốt để sàng lọc.

Nhìn chung, dù đa tạp nhưng ở dòng mạch chính, hình ảnh con người Nam Bộ đã được miêu tả chân thật, giàu ý nghĩa nhân văn, chẳng hạn con người thân phận, con người nổi loạn, con người yêu nước... Nhờ điểm tựa tình cảm chân thành, tha thiết dành cho quê hương, xứ sở, BNL và SN đã điềm tĩnh đi qua thời đại đầy bão giông bằng những sáng tác khơi dậy niềm tự hào dân tộc, nhắc nhớ về công cuộc mở cõi gian nan mà vĩ đại của tiền nhân trên mảnh đất phương Nam.

3.1. Con người mở đất - một hình tượng văn học thể hiện kín đáo tình yêu quê hương, xứ sở của BNL, SN

Do hoàn cảnh riêng, viết về con người mở đất là nhu cầu tự thân của BNL và SN. BNL sinh ra tại làng Tân Uyên, tổng Chánh Mĩ Trung, tỉnh Biên Hòa, nơi được con sông Đồng Nai bồi đắp, vỗ về. Gia đình ông tuy đã mười đời sống ở Tân Uyên nhưng ông luôn có ý thức truy tìm nguồn gốc tổ tiên. SN sinh tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá, mảnh đất cuối cùng của Tổ quốc. SN thừa nhận, ý thức mở đất ăn sâu vào máu thịt của ông. Chính đời ông, đời cha của SN đã luôn lo khẩn hoang.

Ca ngợi con người mở đất còn là quan niệm nghệ thuật, mục đích sáng tác của BNL và SN. BNL tâm sự với Nguiễn Ngu Ý: *"Phù sa với mình đó vừa là cái mộng lớn thiết tha mà mình cần thực hiện trong đời văn lại vừa là một món nợ tinh thần mà mình cần phải trả... Khó mà nói trước được tháng nào năm nào mới trả hết nhưng không trả không xong"* (Dẫn theo Vũ Thị Xuân Khang). Ở ***Hồi kí 20 năm giữa lòng đô thị***, SN cũng khẳng định: *"Muốn hiểu "hồn dân tộc" thì nên xem việc khẩn hoang với những trung tâm văn hóa dân gian"*, *"Văn chương phải gắn bó với sơn thủy, với núi sông. Tôi hiểu là gắn bó với sử và địa"*.

Làm sống lại hình ảnh người dân Nam Bộ ở giai đoạn gian truân, khổ ải nhưng vinh quang, tươi đẹp ấy cũng là cách BNL và SN tránh sự kiểm duyệt gắt gao của nhà cầm quyền mà vẫn giúp *"người Sài Gòn, người miền Nam hiểu thêm về vùng đất mình đang sống, góp phần tạo sự gắn bó máu thịt giữa đất và người, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước và hướng về*

cách mạng của không ít thanh niên trong lòng đô thị miền Nam trước giải phóng" (***Hồi kí 20 năm giữa lòng đô thị***).

Tất cả những điều nói trên là căn nguyên của hình tượng con người Nam Bộ mở đất được điệp đi điệp lại trong tác phẩm của BNL, SN, là một trong những giá trị làm nên đóng góp của hai nhà văn đối với văn xuôi Nam Bộ hiện đại.

3.2. Sứ mệnh lớn lao của con người mở đất

Lịch sử đã đặt lên vai các lưu dân những sứ mệnh nặng nề. Hành trình tiên phong đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của các chủ thể văn hóa để thiết lập nên những giá trị phù hợp với thực tiễn đời sống ở một không gian, thời gian mới lạ, nhiều biến đổi. Nhưng trong niềm hứng khởi được dấn thân, con người làm sao có thể quên đi cội rễ, gốc gác của mình, cắt đứt mối liên hệ giữa quá khứ - hiện tại - tương lai? Họ luôn gìn giữ, phát huy truyền thống tốt đẹp ngàn đời của ông cha. BNL và SN đã khắc họa hình tượng con người mở đất trên tinh thần ấy, căn cốt ấy.

3.2.1. Kiến tạo những giá trị văn hóa

3.2.1.1. Chinh phục tự nhiên

Tính chất ứng phó và tận dụng thể hiện rất rõ qua cách con người trong sáng tác của BNL và SN làm chủ mọi diễn biến phức tạp của thiên nhiên Nam Bộ. Tiền nhân đã kiên trì, nhẫn nại, dũng cảm làm tất cả những gì có thể để chiến thắng thú dữ; giữ rừng, lấn biển; canh tác và khai thác các nguồn lợi thực vật, động vật; thông thương giữa các xóm các ấp... (***Bắt sấu rừng U Minh Hạ*** - SN, ***Rừng mắm*** - BNL). Biết khai thác nguồn lợi tự nhiên, người dân khẩn hoang làm rất nhiều nghề để có thể trụ lại vùng đất ấy (***Hương rừng***, ***Chuyện rừng tràm***, ***Cây huê xà*** - SN). Người Nam Bộ đã chế ngự sông nước mênh mang bằng cách cất nhà dọc mé sông để ở, sắm ghe, xuồng làm phương tiện đi lại, kiếm sống, trở thành mái ấm hạnh phúc lứa đôi (***Không một tiếng vang*** - BNL, ***Vẹt lục bình*** - SN).

3.2.1.2. Thiết lập các mối quan hệ trong cộng đồng

Nam Bộ là nơi cộng cư của nhiều tộc người. Họ đến mảnh đất này vì nhiều lí do. Thời gian đầu, các tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm không tránh khỏi thái độ dò xét, ngờ vực, nghi ngại nhau. Nhưng công cuộc khẩn hoang sẽ giúp họ hiểu ra tầm quan trọng của tinh thần hợp tác, để tích cực dung hòa sức mạnh nội lực và ngoại sinh (***Lò chén chòm sao***, ***Cô Hời bán thuốc*** - BNL; ***Ông Bang cà ròn***, ***Ngó lên sở thượng*** - SN).

Kế thừa và phát huy mẫu người đạo lí trong tiểu thuyết HBC, con người mở đất trong sáng tác của BNL và SN luôn coi trọng tình nghĩa, khinh ghét kẻ thay lòng đổi dạ, quý bạn bè, hàng xóm, lên án thói xu nịnh… Họ sống thủy chung, khao khát hạnh phúc, hướng đến những tình cảm trong sáng (***Xô ngã bức tường rêu*** - BNL, ***Con Bảy đưa đò*** - SN). Người Nam Bộ *"giữa đường thấy chuyện bất bình"* không bao giờ bỏ qua (***Đảng "Cánh buồm đen"*** - SN). Họ phê phán những hành động phách lối và dùng lí lẽ để phân tích thiệt hơn khiến kẻ ác tâm phải run sợ (***Đại chiến với thầy Chà*** - SN).

3.2.1.3. Tự ý thức về cá nhân

Điều đáng nể ở các nhân vật trên hành trình mở đất là khát vọng dấn thân, chấp nhận mạo hiểm. Họ phải chống chọi với mặc cảm lưu lạc, tha hương, sự lo lắng, bất an về tương lai bất định và xác định được sứ mệnh tiên phong của mình (***Rừng mắm*** - BNL, ***Hương rừng*** - SN). Nhân vật của BNL sớm tự ý thức về thân phận mình. Họ biết mình là ai, biết chấp nhận để không ảo tưởng (***Cây đào lộn hột***). Họ đau đớn, day dứt khôn nguôi về thân

phận mình, về các thế hệ mưu sinh nơi miền đất mới (***Người chuột cống***). Ngòi bút của SN phân tích khá kĩ lưỡng cuộc đấu tranh, giằng co để chiến thắng bản thân của những người đi mở đất. Nhà văn đặt họ trước sự lựa chọn thái độ sống, cách sống nhưng không do áp lực bên ngoài mà là nhu cầu tự thân, tự nhận diện bản thể (***Ruộng Lò Bom***, ***Đảng "Cánh buồm đen"***). Vẻ đẹp tâm hồn của người mở đất còn được những người sống xung quanh thấu cảm và gọi ra chính xác (***Bốn cái ngu***).

3.2.2. Bồi đắp những giá trị văn hóa

3.2.2.1. Khắc khoải nguồn cội

Lớp người đi tiên phong mở đất mang nỗi đau phải lìa xa cố quán. Họ coi trọng tục thờ cúng, một ứng xử văn hóa bền vững, kết nối các thế hệ, gắn bó, ràng buộc con người với con người và con người với ruộng nương, vườn tược. Họ bày tỏ hiếu thảo với ông bà cha mẹ bằng đám giỗ (thường làm) rất to nhưng không mang ý nghĩa phô trương hời hợt mà vừa chở nặng nghĩa xóm tình làng, vừa như một cách thế tự bù đắp cho mặc cảm lưu lạc (***Phân nửa con người***, ***Chiêu hồn nước*** - BNL; ***Con sấu cuối cùng***, ***Miễu Bà Chúa Xứ*** - SN). Người Nam Bộ còn ấp ủ ước mơ tái hiện tập quán, tín ngưỡng của tổ tiên. Đình, chùa xuất hiện theo bước chân mở cõi, bởi *"làng xã và đình chùa là cơ cấu của văn minh nông nghiệp, là vốn liếng tinh thần mạnh nhứt"* (***Thần thánh Sài Gòn***, ***Chùa chiền, đền miếu*** - BNL; ***Con cháu Thần Nông***, ***Lá xâm số 58*** - SN).

3.2.2.2. Trân quý những thành quả của ông cha

Trên hành trình mở đất, con người trong sáng tác của BNL, SN dần nhận thức rõ hơn về quyền sử trường cửu của đất nước. Với người Nam Bộ, khát vọng mở đất trở thành một tín niệm đạo đức cần được tiếp nối, phát huy. Họ tri ân người xưa bằng cách tiếp bước công cuộc mở cõi, bằng việc lựa chọn lối sống thủy chung, nghĩa tình (***Rừng mắm***, ***Đất không chết*** - BNL; ***Bắt sấu rừng U Minh Hạ*** - SN). Họ trân trọng những giá trị vật chất và tinh thần mà tiền nhân để lại (***Nỗi buồn của người sắp chết*** - BNL, ***Thơ núi Tà Lon*** - SN).

3.2.2.3. Lựa chọn cách thế tồn tại lạc quan tích cực

Trong cuộc khẩn hoang, con người không chăm chăm đến nước mặn, đồng chua, nắng cháy... mà còn biết tận hưởng vẻ đẹp thơ mộng, hữu tình của thiên nhiên, biết hào hiệp, *"điệu nghệ"* với thiên nhiên (***Những hàng me Sài Gòn*** - BNL, ***Mùa "len" trâu*** - SN).

Người Nam Bộ rất quan tâm đến niềm vui tinh thần. Họ coi việc cất lên lời ca, tiếng hát giữa cảnh rừng âm u hoặc trên những dòng sông nước chảy xiết là phương cách chiến thắng nỗi e sợ trước thiên nhiên, là sự cởi mở tấm lòng với bạn đường, và làm mình được vơi nhẹ nỗi khắc khoải về nơi chôn nhau cắt rốn. Nếu trong sáng tác của BNL, những câu ca xuất hiện giản dị, tự nhiên như hơi thở đời sống (***Rừng mắm***) thì SN say sưa dẫn giải về nguồn gốc các lối hát Nam Bộ bằng sự am hiểu sâu rộng về bản sắc văn hóa miền đất mới (***Hát bội giữa rừng***, ***Ngày xưa tháng Chạp***, ***Câu thai đố***).

Tình yêu đất nước của người Nam Bộ được diễn đạt ở nhiều cung bậc trong sáng tác của BNL và SN. Nhân vật của BNL dù trong hoàn cảnh nào cũng *"bám níu"* nơi chôn nhau cắt rốn, cũng nuôi dưỡng kí ức về những năm tháng sống giữa hương đồng, gió nội (***Những ngôi mả tổ***, ***Thèm mùi đất***). SN khéo léo gửi gắm niềm kiêu hãnh dân tộc qua thái độ bất hợp tác với giặc, qua lời bóng gió nhắc đến bổn phận của người dân thời loạn, bằng niềm tin vào tương lai đất nước (***Con ngựa đất***, ***Con Bảy đưa đò***, ***Miễu Bà Chúa Xứ***).

3.3. Nghệ thuật khắc hoạ hình tượng con người mở đất của BNL, SN

3.3.1. Xây dựng tình huống đậm chất "cảm hoài"

BNL thường đặt lớp lưu dân vào những tình huống gây *"sang chấn"* tâm lí mạnh mẽ. Đó có thể là tình huống gợi nhớ không gian thôn dã xa xưa, để con người ngược dòng hồi ức trở lại với ngọn nguồn lịch sử, làm nổi bật tâm trạng của kẻ trọn đời trung thành với một chân trời thôn dã, *"nghiện"* hình ảnh, mùi vị nơi ấy (***Rừng mắm***, ***Lửa tết***, ***Con Tám cù lần***, ***Về làng cũ***).

Điều làm nên sức cuốn hút ở mỗi câu chuyện SN kể chính là việc chêm xen các giai thoại, tạo cơ hội soi chiếu con người từ nhiều điểm nhìn khác nhau, kết nối hiện tại của họ với quá khứ và tương lai. Giai thoại vừa thể hiện cuộc sống hào hùng, gian khổ vừa tiết lộ tính cách hồn nhiên, quả cảm của con người Nam Bộ (***Kho vàng***, ***Đảng "Cánh buồm đen"***). Những giai thoại ấy là *"đòn bẩy"* để con người Nam Bộ từ sự biết ơn, thán phục tiền nhân mà *"bình thường hóa"* những thử thách, tai ương, tiếp tục tạo nên những giai thoại mới. Tác phẩm nào của SN cũng như mang dáng dấp của một câu chuyện hay và lạ được truyền tụng trong dân gian. Đặc biệt, SN biết chọn và miêu tả những chi tiết nghệ thuật độc đáo làm cho các giai thoại càng thêm hấp dẫn, ám ảnh (***Một cuộc bể dâu***, ***Bác vật xà bông***).

3.3.2. Quan tâm hơn đến con người tâm lí bên cạnh con người hành động

Vẫn rất gần với mẫu người dấn thân, ưa hành động, không so đo kĩ lưỡng của nhà văn tiền bối HBC, nhưng ở sáng tác BNL và SN, các nhân vật được gia tăng khả năng suy tưởng, tự phán xét và phán xét để đi tới xác tín đúng đắn. Điều này do mặt bằng văn hóa - thẩm mĩ thời BNL, SN đã thay đổi so với thời của HBC. Cái nhìn nghệ thuật chuyển dịch từ hiện thực bên ngoài vào hiện thực bên trong. Bên cạnh kiểu nhân vật hành động, hai nhà văn đã rất chú trọng đến *"con người bên trong"* với những diễn biến tâm lí bí ẩn, đa chiều. Tiêu biểu là người thiếu phụ (***Căn bệnh bí mật của nàng*** - BNL), Tấn (***Chiếc khăn kỉ niệm*** - BNL), ông Cả (***Cô Út về rừng*** - SN), Tư Có và thầy phái viên (***Tình nghĩa giáo khoa thư*** - SN).

Tồn tại song song cả con người hành động lẫn con người tâm lí, nhân vật trong sáng tác của BNL và SN sử dụng ngôn ngữ mộc mạc mà giàu tính triết lí. Tên họ và nơi họ ở gợi lên cuộc sống bình dị, dân dã, sự hòa hợp giữa con người với các miền đất trù phú, nhiều biển, cù lao, kinh, mương thiên tạo hoang sơ. Những lưu dân cũng thể hiện *"đặc sản"* ngôn ngữ Nam Bộ ở cả ba bình diện: ngữ âm, từ vựng, cú pháp với cách nói biến thể ngữ âm; sử dụng nhiều từ địa phương; pha trộn đủ giọng Bắc, Thanh Nghệ, giọng Quảng Nam, Quảng Ngãi, bên cạnh tiếng Chăm, tiếng Khmer, tiếng Hoa, tiếng Pháp; đan xen kiểu câu ngắn, không trau chuốt với kiểu câu dài kèm thành phần giải thích. Mặt khác, những nếm trải, chiêm nghiệm của con người mở đất được BNL, SN thể hiện thấm thía song vẫn có chừng mực qua một thứ ngôn ngữ đời thường giàu biểu cảm, nhiều tục ngữ, thành ngữ. Đọc BNL, thấy ở mỗi tình huống cụ thể, con người đều rút ra được bài học ý nghĩa và biết diễn đạt bằng các triết lí chủ quan nên không hề khuôn sáo. SN lại sở trường khai thác thành ngữ, tục ngữ để đặc tả tính cách Nam Bộ. Bên cạnh lời nhân vật, ở phần cuối một số tác phẩm, SN còn chú ý chêm những đoạn trữ tình ngoại đề, để khi thiên truyện khép lại, dư âm của còn lan tỏa mãi.

Vậy là, trong cơn chấn động của lịch sử, khi nhiều nhà văn Nam Bộ ở vùng tạm chiếm quan tâm phản ánh đời sống xã hội với những đổ vỡ - mất mát, hoài nghi - chán chường, BNL và SN, bằng cách viết mộc mạc, giản dị, không ồn ào, phô trương lại chọn lối đi riêng: sáng tác về những con người Nam Bộ mang nặng kí ức mở cõi, khao khát chinh phục miền

đất mới, khắc khoải nguồn cội nhưng đầy ý thức về hiện tại, biết lựa cách thế tồn tại phù hợp. Niềm tự hào về tâm thức Việt, hồn cốt Việt tiềm ẩn trong mỗi con người Nam Bộ là nguồn cảm hứng lớn giúp ngòi bút BNL và SN đi qua thời đại dữ dội, đau thương, để lại ấn tượng khó phai nhòa trong văn xuôi hiện đại Nam Bộ giai đoạn sau 1945.

Chương 4

CON NGƯỜI LƯU LẠC TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ

Chiến thắng 30/4/1975 thống nhất Bắc - Nam, mở ra một giai đoạn mới cho đất nước Việt Nam nói chung, cho văn học Việt Nam trong đó có văn xuôi Nam Bộ nói riêng.

Trở thành một phần máu thịt của nền văn học thống nhất, bốn mươi năm qua, lực lượng sáng tác văn xuôi Nam Bộ tiếp tục có nhiều cống hiến đáng ghi nhận. Đầu tiên phải kể đến các nhà văn đã từng thành danh trong kháng chiến chống Mĩ. Sau đó là những tác giả trưởng thành trong thập niên 80, 90 của thế kỉ XX. Kế tiếp là những gương mặt trẻ cũng có nhiều khám phá, sáng tạo và ít nhiều đã định hình phong cách.

Sự chuyển động của đời sống đất nước sau chiến tranh đã tác động mạnh đến văn xuôi Nam Bộ. Kí ức về cuộc kháng chiến vừa đi qua, niềm hân hoan khi non sông nối liền một dải, những khó khăn trong công cuộc dựng xây đất nước, bao vấn đề mới gây nghĩ suy trăn trở..., tất cả đã trở thành nguồn cảm hứng lớn, thành mảnh đất màu mỡ mời gọi người viết văn. Đáng chú ý là mặc dù biên độ đề tài được mở rộng nhưng phần nhiều tác phẩm của các nhà văn Nam Bộ vẫn in đậm bản sắc vùng miền.

Nhìn bao quát cả giai đoạn văn học Việt Nam từ sau 1975 thì NNT thuộc số những gương mặt nổi bật của văn xuôi đầu thế kỉ XXI đến nay. Giữa các tiếng nói đa dạng của mọi vùng miền, chị là cây bút Nam Bộ *"rặt"* hơn cả. Thiết tha, bền bỉ tiếp nối hành trình khám phá cuộc sống nơi miền đất tân lập trong nguồn mạch văn chương chảy dài gần một thế kỉ, sáng tác của chị đã thu hút mạnh mẽ sự quan tâm của độc giả. Sống cùng trang viết của NNT, người ta bị ám ảnh bởi các nhân vật có cuộc đời trôi nổi, lưu lạc nhưng vẫn không thôi khắc khoải kiếm tìm giá trị sống. Kiểu con người Nam Bộ mang nặng cảm thức lưu lạc đã trở thành một *"tín hiệu"* thẩm mĩ tạo nên sự khác biệt giữa sáng tác của NNT với tác phẩm của nhiều nhà văn khác, đồng thời là sự chạm khắc một nét độc đáo bên cạnh cá tính trọng nghĩa khinh tài, năng động, sáng tạo... của con người phương Nam.

4.1. Cảm thức lưu lạc vừa "hắt bóng" không gian văn hóa Nam Bộ cổ truyền, vừa in dấu ấn văn hóa "hậu hiện đại"

Lưu lạc được hiểu là con người bởi một lí do nào đó bị tách khỏi nơi quen thuộc, bị ném vào một không gian sống khác, xa lạ, thành ra cô đơn, lạc lõng. Lưu lạc còn là cảm giác của con người sống ở không gian này những tâm tưởng luôn hướng về không gian khác vì không tìm được ý nghĩa của sự tồn tại.

Ở tác phẩm của nhiều nhà văn Nam Bộ trước đây như HBC, BNL, SN... cũng luôn thấm đẫm cảm thức lưu lạc. Cảm thức lưu lạc, trước hết, là nét tâm lí đặc thù của người phương Nam phả vào văn chương. Nó in dấu những số phận lưu dân. Nó hắt bóng không gian mênh mông sông nước, những ngôi nhà - thuyền lênh đênh trôi dạt, những cánh rừng hoang vu, những đầm lầy ẩm ướt, gò đống rậm rạp... Nó còn gợi nhắc tiếng đờn ca u hoài của người nghệ sĩ trong các gánh hát cải lương nay đây mai đó...

Cảm thức lưu lạc lắng kết từ trải nghiệm của chính nhà văn. HBC, BNL, SN đều bị số phận *"bứng"* khỏi nơi chôn nhau cắt rốn. Giống các nhà văn tiền bối, NNT sinh ra tại Bạc Liêu nhưng lại sống ở Cà Mau, vùng đất tận cùng của Tổ quốc. 15 tuổi, chị đã phải bỏ học để bán rau phụ giúp ba má, đối diện với hiện thực nhiều đổi thay, bất trắc. Lưu lạc như là bản năng, *"một dòng xuôi mải miết"* trong thẳm sâu tiềm thức NNT.

NNT viết văn trong bối cảnh văn hóa *"hậu hiện đại"* đã ít nhiều thẩm thấu vào Việt Nam. Chiến tranh, di dân, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội… cuốn con người vào guồng quay chóng mặt. Con người không khỏi có lúc thấy mình giống cỗ máy được lập trình sẵn, không sao làm chủ được cuộc sống của mình. Sự bùng nổ thông tin khiến hiện thực bị *"trương nở"* thành *"quá thặng"*, *"thậm phồn"*. Các phương tiện thông tin càng phong phú, liên hệ giữa người với người càng rời rạc, lỏng lẻo. Thời đại kĩ trị đe dọa xóa nhòa cá tính, biến con người thành những *"số báo danh"* đánh mất *"bản lai diện mục"* khiến nó lo sợ không còn căn cước… Con người tha hương ở trên chính quê hương. Con người bị xô đẩy, trôi dạt vô hướng...

NNT lại là cây bút tràn trề tính nữ. Tâm hồn chị rất nhạy cảm với những gì mong manh, dễ vỡ. Qua một vài lời đề từ, chị *"tiết lộ"* cảm giác bé nhỏ, cô đơn giữa dòng đời. Chị thấy cuộc đời như là những chuyến đi không đến đích. Lưu lạc trở thành nỗi niềm đau đáu, khôn nguôi trong các trang viết của chị.

4.2. Con người mang nặng cảm thức lưu lạc trong sáng tác của NNT

4.2.1. Day dứt vì phải phiêu dạt, tha hương

4.2.1.1. Phiêu dạt, tha hương vì mưu sinh

Con người Nam Bộ trong sáng tác NNT, trước hết, phiêu dạt, tha hương vì mưu sinh. Để tồn tại, hàng loạt nhân vật của chị phải nếm trải những tháng ngày lang thang, vất vưởng. Cách người Nam Bộ lưu lạc kiếm sống trong tác phẩm của NNT rất đặc trưng cho văn hóa phương Nam. Họ đi hát ở quán nhậu, bán vé số, buôn hàng bông, nuôi vịt... Họ trôi dạt qua những dòng sông, lang thang trên những cánh đồng... Thật là bấp bênh, tạm bợ. Có thể kể đến vợ chồng chú Đời (***Đời như ý***), gia đình ông Chín (***Nhớ sông***), Phi (***Biển người mênh mông***)...

Phiêu dạt, tha hương vì sinh nhai, nhân vật của NNT day dứt khôn nguôi. Họ nhớ kỉ niệm xưa, họ thèm muốn sự gắn kết, họ hoang hoải, mệt mỏi... Cảm thức lưu lạc đã là một thuộc tính cố hữu trong sâu thẳm con người, chi phối mọi hành vi, tâm trạng của người dân miền đất mới.

4.2.1.2. Phiêu dạt, tha hương vì hoàn cảnh éo le

Phổ biến trong tác phẩm của NNT là những người do hoàn cảnh éo le xô đẩy mà phải phiêu dạt, tha hương. Mỗi cuộc đời, mỗi số phận đều có những trớ trêu, là điều kiện bộc lộ bản lĩnh, nhân cách cá nhân. Tuy các nhân vật có cảnh ngộ không giống nhau nhưng tất cả đều lựa chọn tha hương như giải pháp vượt thoát khỏi bi kịch hiện tại (ông Năm Nhỏ trong ***Cải ơi***, Tứ Phương ở ***Nhà cổ***, cha con Nương trong ***Cánh đồng bất tận***, ông già chăn vịt ở ***Cái nhìn khắc khoải***). Lưu lạc giống như một nhu cầu của các nhân vật NNT. Họ ra đi mà ít khi tính toán thiệt hơn, không lường trước nghĩ sau cặn kẽ.

Phiêu dạt, tha hương làm con người Nam Bộ trong sáng tác NNT có cuộc sống vô định, cô độc, mất khả năng giao tiếp thông thường, bị vắt kiệt cảm xúc. Hành trình của họ không có điểm đến. Họ buộc lòng phải thờ ơ, dửng dưng, chẳng nhớ nhung cũng không hờn

ghen. Họ bầu bạn với loài vật. Họ khước từ tiếng nói của con người. Bằng (***Thềm nắng sau lưng***), chị em Nương (***Cánh đồng bất tận***), người đàn ông (***Cái nhìn khắc khoải***), *"em"* (***Gió lẻ***)... là những nhân vật như vậy.

4.2.2. Khắc khoải trong hành trình kiếm tìm

4.2.2.1. Kiếm tìm những người thân yêu

Nhiều nhân vật của NNT vì mưu sinh, vì hoàn cảnh éo le mà phải phiêu dạt, tha hương, để lại khoảng trống vắng, cảm giác hụt hẫng trong tâm hồn người ở lại. Người Nam Bộ vốn sống tình nghĩa, trước sau như một, họ chẳng thể yên lòng khi người thân phải phiêu dạt xứ người. Việc họ mải miết kiếm tìm là hiển nhiên, dễ hiểu.

Mặt khác, khi xã hội hoang phí sự dửng dưng, dè xẻn tình yêu thương, không ít nhân vật buộc phải có động thái gây chú ý, bằng cách tự *"delecte"* bản thân làm phép thử tình người xem sự biến mất của mình có làm cho ai đó đau buồn nhớ thương không (Sinh - ***Biến mất ở Thư Viên***, Bối - ***Sông***). Họ sợ nếu không có *"cú hích"* ấy, mình sẽ bị xóa, sẽ không còn hiện hữu. Trôi dạt, biến mất vừa là định mệnh, vừa là phương cách chống lại sự lãng quên của cuộc đời. Sự tự biến mất của những người thân yêu đã thôi thúc, mời gọi các nhân vật khác ra đi kiếm tìm và được kiếm tìm. Nó giống như trò đuổi bắt không có điểm dừng của con người vừa mang nặng cảm thức lưu lạc từ xa xưa, vừa bất an, lạc hướng trước thực tại.

Hành trình kiếm tìm người thân của các nhân vật trong truyện NNT kéo dài trong thời gian và trải rộng không gian. Ám ảnh hơn còn là hành trình kiếm tìm trong tâm tưởng. Nhiều nhân vật của NNT lưu lạc đến tận cùng sự phỏng đoán, tưởng tượng (Di - ***Khói trời lộng lẫy***, Hảo - ***Biến mất ở Thư Viên***). Cái cách kiếm tìm *"chết thôi"*, *"tới bến"* ấy cũng phản chiếu tính cách quyết liệt của con người miền đất tân lập.

4.2.2.2. Kiếm tìm bản thể

Con người Nam Bộ trong truyện NNT không ngừng tìm câu trả lời cho các vấn đề mấu chốt: *"ta là ai?"*, *"ta từ đâu đến?"*, *"ta sẽ đi về đâu?"* dù biết hành trình ấy đầy khó khăn và nhiều khi vô vọng. Các nhân vật của chị khao khát truy tìm bản thể cá nhân vì họ đầy hoài nghi và cô đơn trước một thực tại bề bộn, đổi thay đến chóng mặt (nhân vật Sói và *"em"* (***Ấu thơ tươi đẹp***); *"em"*, *"gã"*, Dự (***Gió lẻ***); Xu, Ân (***Sông***).

Để có thể theo đuổi tận cùng điều mình tin yêu, các nhân vật thường quyết liệt dấn thân vào hành trình tìm kiếm dù không biết cái gì chờ phía trước, ví dụ Chín Vũ (***Cuối mùa nhan sắc***), Vĩnh (***Sầu trên đỉnh Puvan***)... Sự ra đi quyết liệt để được sống với niềm đam mê mà nhân vật của NNT theo đuổi gợi nhắc những con người Nam Bộ bộc trực, phân minh, mang trong máu cái *"gen"* phiêu lưu, can trường của những lưu dân tiên phong mở cõi. Ở đây lưu lạc là môi trường bộc lộ bản thể, là hành trình *"thử sai"* kinh nghiệm cá nhân trước hiện thực nhiều phức tạp, bí ẩn.

Trên hành trình kiếm tìm ý nghĩa tồn tại, nhiều nhân vật của NNT lựa chọn cái chết. Con người Nam Bộ đến với cái chết khá bình thản, vừa có thể như cái kết của một vòng đời, vừa có thể là đích của một hành trình, vì họ quan niệm *"sống chết lẽ thường"*. Họ rời xa *"cõi tạm"* bằng cách tan biến vào khói hoặc mất tăm trong dòng nước xiết (nhân vật Di - ***Khói trời lộng lẫy***, Ân - ***Sông***, Nhàn - ***Tro tàn rực rỡ***). Phương cách ấy in dấu văn minh miệt vườn, văn minh sông nước. Trong sáng tác của NNT, cái chết không phải cánh cửa

đóng lại số phận cá nhân. Khát vọng kiếm tìm ý nghĩa tồn tại vẫn còn cháy bỏng trong tâm hồn người ở lại như là một nỗ lực vượt lên sự trống rỗng và tẻ nhạt của cuộc đời.

4.3. Nghệ thuật khắc họa hình tượng con người lưu lạc của NNT

4.3.1. Đẩy nhân vật vào tình huống lưu lạc

NNT là nhà văn có sở trường về sáng tạo tình huống truyện. Có tình huống éo le đan xen với tình huống tâm lí. Chị cũng xây dựng một số tình huống tượng trưng. Để khắc họa cảm thức lưu lạc, NNT còn chú ý đặt nhân vật của mình vào tình huống phải ra đi, trôi dạt, có khi tình huống lưu lạc lồng trong tình huống lưu lạc, có khi vài ba tình huống lưu lạc song song.

Đọc NNT, độc giả gặp khá nhiều sự song trùng các tình huống lưu lạc. Dường như lênh đênh, trôi nổi đã trở thành *"mẫu số chung"* của con người thời hiện đại, nhất là ở nơi cộng cư của các lưu dân. Qua các tình huống như vậy, người đọc có cảm giác mô-típ lưu lạc đang tự sinh sôi, sự phiêu dạt của người này là lí do tha hương của người kia. ***Cánh đồng bất tận*** là một ví dụ điển hình. Nó cho thấy sự đeo bám, ám ảnh của cảm thức lưu lạc trong tâm hồn con người phương Nam.

Nếu việc xây dựng một tình huống lưu lạc (hoặc song trùng các tình huống lưu lạc) chủ yếu để khắc họa hình ảnh con người phiêu dạt, tha hương bởi mưu sinh, bởi sự éo le của hoàn cảnh; thì kĩ thuật *"đa bội"* tình huống lưu lạc lại diễn tả hành trình kiếm tìm bản thể đầy khắc khoải của các nhân vật.

Song, nhìn chung, các tình huống lưu lạc trong sáng tác của NNT không dữ dội, gai góc mà thường được xây dựng từ những chi tiết, sự việc quen thuộc, gần gũi với cuộc sống thường ngày của người dân Nam Bộ. Những mối tình dang dở, những thân phận bị bỏ rơi, những mất mát, đổ vỡ. Nó tạo thành một mô-tip nghệ thuật mang dấu ấn của NNT, vừa quen thuộc vừa mới mẻ.

4.3.2. Tái điệp không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật đặc thù

4.3.2.1. Không gian dòng sông, cánh đồng, con đường

Viết về những con người Nam Bộ mang nặng cảm thức lưu lạc, NNT thường đặt họ vào không gian dòng sông, cánh đồng, con đường. Đây không chỉ là đặc điểm văn hóa vùng miền, mà còn là nơi *"ghé qua"*, *"tạt ngang"* của các số phận trôi dạt, vô định.

Nam Bộ chằng chịt sông ngòi. Dòng sông mang lại cho con người và cuốn đi của con người nhiều thứ. Dòng sông ngay trong tầm mắt, dòng sông sát hiên nhà, nên đối diện với khó khăn, trớ trêu, con người Nam Bộ nghĩ ngay đến việc ra đi. Chính không gian sông nước đã thôi thúc, mời gọi, *"đồng lõa"*, tiếp sức cho sự trỗi dậy của cảm thức lưu lạc ở nhiều nhân vật của NNT.

Xuất hiện với tần số không nhiều, không gian cánh đồng, không gian con đường góp phần tô đậm tâm trạng chán chường, hoang hoải của nhân vật trong sáng tác NNT trên đoạn đời phiêu bạt. Nhiều nông dân Nam Bộ nghèo khổ làm nghề nuôi vịt chạy đồng. Họ lùa đàn vịt của mình từ cánh đồng vừa gặt hái xong đến cánh đồng chuẩn bị thu hoạch. Những cánh đồng đem lại cho họ nguồn sống nhưng xa lạ bởi họ luôn được nhắc nhớ đến thân phận *"ăn đậu ở nhờ"*, luôn giày vò họ bằng niềm hoài vọng cội nguồn. Với những nhân vật không phải là nông dân *"đặc sệt"*, mà là sản phẩm của đô thị hóa, không gian lưu lạc thường gắn với con đường. Mỗi con đường một đặc điểm khác nhau nhưng chúng đầm đìa gió, thứ gió chướng ào ạt, dai dẳng, càng khoét sâu thêm nỗi cô đơn, trống trải của lữ khách *"mỗi người*

thăm thẳm một chiêm bao". Chẳng cuộc đời nào giống cuộc đời nào. Chỉ biết họ cần phải đi và con đường đã giúp các chuyến đi của họ nối tiếp mãi không thôi.

4.3.2.2. Thời gian đồng hiện

Mỗi hành trình lưu lạc không chỉ giới hạn trong một không gian cụ thể như dòng sông, cánh đồng, con đường mà còn được viền bởi một khoảng thời gian nhất định. NNT thường sử dụng thời gian đồng hiện để khắc họa hình tượng con người Nam Bộ mang nặng cảm thức lưu lạc.

Thời gian đồng hiện là thời gian nhà văn đặt nhân vật vào trong sự đan bện, xen kẽ giữa các chiều quá khứ - hiện tại - tương lai. Từ câu chuyện hiện tại hồi tưởng về quá khứ, dự cảm về tương lai. Nó tạo thành vòng quay miên man, ngẫu hứng. Nó gợi lên cuộc sống nhiều đổi thay bất ngờ. *"Thời gian trong tác phẩm cũng trở thành "mùa du mục"* (Nguyễn Thùy Trang).

Tuy nhiên, trước ***Cánh đồng bất tận***, mạch rẽ thời gian ở những tác phẩm của NNT còn đơn điệu, thế giới bên trong nhân vật có vẻ phức tạp nhưng thiếu cái dữ dội, sâu sắc. Phải sau ***Cánh đồng bất tận***, tính chất biến ảo của thời gian mới thật sự phát huy hiệu quả, nhấn mạnh sự trôi dạt, bất định của tâm tưởng, của cuộc đời lang thang, vô hướng. Các câu chuyện được di chuyển trên trục thời gian gấp khúc khiến nó găm vào tâm trí người đọc ấn tượng về một hiện thực bộn bề mà rời rạc; về một cuộc kiếm tìm nhọc nhằn, đầy day dứt. Từ hiện tại, nhân vật ngược dòng thời gian tìm đáp án cho câu hỏi *"ta là ai?"*, *"ta từ đâu đến?"*, *"ta sẽ đi về đâu?"* với sự tái điệp của các từ ngữ *"... trước, ... qua, ... xưa, ... đó, ... ấy, hồi ..., cách đây ..., đã ..."*. Trên hành trình lưu lạc, con người Nam Bộ trong sáng tác của NNT cũng có dự cảm về tương lai qua những giấc mơ, bằng sự chập chờn vô thức. Dự cảm về tương lai nghiệt ngã càng làm cho những chuyến phiêu lưu của con người mờ mịt, bế tắc. Họ thấy mình lạc loài, vong thân.

4.3.3. Sử dụng nhuần nhuyễn ngôn ngữ dân dã, sống động, giàu cảm giác, cảm xúc

Nhân vật của NNT bị đặt vào không gian lưu lạc với các chiều kích nên thường sử dụng ngôn ngữ ở hai sắc thái đối nghịch: vẫn là sự bộc trực, mộc mạc trong diễn đạt nhưng khi thì mỉa mai, suồng sã, sắc cạnh; lúc lại xa xót, buồn thương, rưng rưng hoài nhớ đến mức chạm vào chất *"sến sẩm"* cải lương. Trên hành trình nay đây mai đó, con người Nam Bộ chứng kiến, nếm trải bao điều phũ phàng trong cái hiện thực *"thậm phồn"*. Họ hay nhắc đến các *"điển cố"*, *"điển tích"* thời hiện tại đang lạnh lùng, nghiệt ngã bủa vây cuộc sống xung quanh họ. Ở một cực khác, nỗ lực kiếm tìm hạnh phúc, truy tìm bản thể, nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư thường sử dụng từ ngữ bộc lộ cảm xúc buồn thương, nhớ tiếc, ngậm ngùi, cay đắng... Đôi khi lời nói hay dòng suy tưởng của nhân vật được giãi bày giống như câu ca trích từ một bản vọng cổ. Nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu chất nhạc, chất thơ.

Tóm lại, bằng tài năng văn chương thiên bẩm, trái tim giàu trắc ẩn; chịu sự chi phối, quy định của bản sắc vùng miền và thời đại; NNT đã có những trang viết rất sâu sắc, tinh tế về con người Nam Bộ. Họ mang nặng cảm thức lưu lạc khi phải gánh gồng mưu sinh, bị cuộc đời xô đẩy. Họ hoài nghi, bi quan vì tình yêu đổ vỡ, niềm tin sụp đổ; họ cô đơn, bơ vơ giữa dòng đời; hay day dứt vì đánh mất bản ngã. Trên hành trình phiêu dạt, tha hương, họ có lúc hoang mang, bế tắc nhưng quan trọng là họ luôn nỗ lực để chống lại sự vô tăm tích, để được sống một cuộc đời có ý nghĩa. Đó là dòng chảy được khơi nguồn từ những thế hệ xa xưa đi khai khẩn, chinh phục miền đất mới, giúp họ không bị *"bứng"* khỏi cội rễ, bị lạc điệu

với truyền thống, văn hóa cha ông kiến tạo. Đây cũng là một bước vận động cơ bản của quan niệm nghệ thuật, quan niệm về con người từ HBC đến NNT với những biểu hiện vừa phức tạp, vừa thú vị.

KẾT LUẬN

1. Việc khắc họa hình tượng con người mang dấu ấn của một *"tọa độ"* văn hóa là một nhu cầu bức thiết của người nghệ sĩ, đặc biệt là các nhà văn luôn ý thức về sự gắn bó, *"mang nợ"* với quê hương. Không nằm ngoài quy luật sáng tạo, hình tượng con người Nam Bộ trong văn xuôi Nam Bộ hiện đại luôn là đối tượng trung tâm cần chiếm lĩnh, diễn tả, nó không bị nhòe lẫn mà ngày càng sắc nét, dày dặn, đa chiều, với cá tính *"vùng miền"* ưu trội. Điều này cho thấy: ở thời đại giao lưu và hội nhập, chính cái riêng biệt, độc đáo càng được đề cao, coi trọng. Hiểu mình để hiểu người. Biết mình, biết người để phát triển đúng hướng và bền vững. Phải chăng đó chính là giá trị cốt lõi mà nhân loại nói chung và nghệ thuật nói riêng không ngừng hướng tới?!

2. Nam Bộ là vùng đất mới trong lịch sử dựng nước, có môi trường tự nhiên hoang sơ nhưng cũng rất phì nhiêu, màu mỡ. Nó thử thách, gọi mời khát vọng chinh phục, khám phá; đồng thời hào phóng ban tặng cho các lưu dân những sản vật quý hiếm. Trải qua bao biến thiên lịch sử, phải cọ xát, va đập với nhiều nền văn hóa khác nhau, những thế hệ người mang sứ mệnh mở đất đã đồng thời hoàn thành trọng trách kiến tạo bản sắc. Văn hóa Nam Bộ, tính cách con người Nam Bộ vừa kế thừa, phát huy vẻ đẹp tâm hồn Việt, vừa khẳng định cá tính độc đáo của những người dám dấn thân tìm hạnh phúc nơi *"đầu sóng ngọn gió"*. Hành trình khám phá con người Nam Bộ cũng là hành trình trở lại cội nguồn văn hóa lịch sử. Soi ngắm con người trong văn hóa, qua văn hóa là hướng tiếp cận có chiều sâu của nghiên cứu văn học vì lẽ *"văn học là nhân học"*.

3. Sống và viết ở các giai đoạn lịch sử khác nhau nhưng HBC, BNL, SN và NNT - những nhà văn Nam Bộ *"rặt"* - đều bền bỉ, say mê khắc họa hình tượng con người Nam Bộ. Đó là nét tính cách *"trọng nghĩa khinh tài"*, *"quả cảm, sáng tạo"*, là cảm thức lưu lạc đã trở thành *"mẫu số chung"*, cũng là điểm cơ bản để nhận diện chất *"anh Hai"*, *"điệu nghệ"* của người phương Nam. Sứ mệnh mở đất và trọng trách kiến tạo văn hóa đã hun đúc nên phẩm chất trọng nghĩa khinh tài ở con người Nam Bộ. Tinh thần hào hiệp, sẵn sàng cưu mang giúp đỡ người khác, căm ghét cái xấu, cái ác, được coi như một nguyên tắc sống, một chuẩn mực đạo đức. Lưu lạc tuy là cảm thức chung của con người thời hiện đại, nhưng trong tác phẩm của bốn nhà văn Nam Bộ nói trên, nó trở thành một ám ảnh thân phận. Những nét tính cách này không phải là cố định, cũng chẳng khu biệt nhưng nó phổ biến, nổi trội, là đặc trưng của những con người làm chủ vùng đất mới.

Chịu sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử - xã hội cụ thể và sức sống bền bỉ của *"căn tính"* Việt, hình tượng con người Nam Bộ trong sáng tác của HBC, BNL, SN và NNT hiện lên phức diện, đa chiều đủ để phác vẽ những vận động cơ bản của văn học sử thời kì hiện đại. Ở tác phẩm HBC, con người Nam Bộ giai đoạn giao thời luôn tin tưởng, đề cao những giá trị đạo đức truyền thống nhưng đã bắt đầu cựa quậy để nới lỏng vòng lễ giáo cương tỏa, khẳng định khả năng và khát vọng thầm kín cá nhân. Trong binh lửa chiến tranh, con người Nam Bộ qua trang viết của BNL, SN đã biết chọn một cách thế tồn tại trước nghịch cảnh, vượt qua nguy cơ biến tính, trân trọng, biết ơn công cuộc mở đất của tiền nhân, kín đáo thể hiện tình

yêu quê hương, đất nước. Khi văn hóa *"hậu hiện đại"* đã thẩm thấu đủ để nhận diện trong đời sống, nó đã in dấu vào hình tượng con người của NNT. Đó là những nhân vật tuy vô vọng, bế tắc trên hành trình kiếm tìm ý nghĩa tồn tại nhưng vẫn nỗ lực không ngừng để xác lập *"nhân vị"*, gìn giữ niềm tin cá nhân. Đây thực sự là những đóng góp đáng kể của bốn nhà văn Nam Bộ trong việc khắc họa bức chân dung con người ở miền đất phương Nam trong suốt chiều dài lịch sử hơn một thế kỉ. Họ đã cùng nhau khẳng định con người luôn là đối tượng trung tâm của sáng tạo nghệ thuật. Hình tượng con người trong sáng tác văn học là một tâm điểm để nhận diện văn hóa một thời đại, một cộng đồng.

4. Do cá tính, quan niệm nghệ thuật cá nhân và thời đại, mỗi nhà văn có những đóng góp riêng khi khai thác nghệ thuật tự sự. Thành công ở thể loại tiểu thuyết, HBC có cơ hội miêu tả con người chi tiết, toàn vẹn từ tiểu sử đến ngoại hình, hành động. Ông cũng thường tạo ra những tình huống thử thách các nhân vật *"ở hiền"* và bao giờ kết thúc cũng *"gặp lành"* theo mô-tip các câu chuyện đạo nghĩa của dân tộc. Được đánh giá cao ở các tập truyện ngắn, BNL và SN chú ý phân tích diễn biến tâm lí con người Nam Bộ trước những tình huống đậm chất *"cảm hoài"*. Ít nhiều hấp thụ văn hóa *"hậu hiện đại"*, NNT tái điệp các hình thức không gian và thời gian nghệ thuật đặc thù tạo nên vẻ phức tạp, bí ẩn trong chiều sâu tính cách của những con người bị đặt vào tình huống lưu lạc. Và cả bốn nhà văn đều phát huy được ưu thế của thứ ngôn ngữ giàu sắc thái Nam Bộ. Nhưng nếu ngôn ngữ của HBC vẫn còn pha nhiều từ cổ, đan xen giữa cách diễn đạt nhịp nhàng, đăng đối với cách nói nôm na, mộc mạc; thì ngôn ngữ trong tác phẩm của BNL, SN thể hiện tinh thần *"cộng sinh"*, *"cọ xát"* của nhiều nền văn hóa và có khuynh hướng triết lí, chiêm nghiệm. NNT lại thành công trong việc sử dụng các lớp từ mang màu sắc nhục cảm, chêm xen, cải biến thành ngữ và nhắc đến các *"điển cố"*, *"điển tích"* thời hiện tại kết hợp với ngôn ngữ *"sến sẩm"* cải lương. Sự đa dạng của ngôn ngữ văn học phần nào cho thấy sự độc đáo của tính cách con người Nam Bộ gần một thế kỉ qua.

5. Việc nghiên cứu con người Nam Bộ trong văn xuôi hiện đại Nam Bộ (qua sáng tác của HBC, BNL, SN và NNT nói riêng và các nhà văn nói chung) chắc chắn cần được tiếp tục với nhiều hướng tiếp cận khác bởi lẽ tính cách con người luôn biến đổi và hiện thực *"chưa hoàn kết"*. Mỗi giai đoạn văn học, tính cách ấy lại được soi chiếu ở những góc nhìn mới hơn, được phóng rọi qua các lăng kính khác nhau. Tính cách con người Nam Bộ cũng giống như những *"vỉa quặng"* mà càng khám phá, càng phát hiện ra những điều thú vị, càng thấy như là chưa đủ, chưa xứng tầm.